

Số: 304/BC-HĐQT CSTN

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

**Kính gửi: - Quý cổ đông.**



**TRC**

# TRC

*Tây Ninh, ngày 29 tháng 3 năm 2023*



<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
<b>I. Thông tin chung:</b>	<b>2</b>
1. Thông tin khái quát	2
2. Ngành nghề kinh doanh	3
3. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	3
4. Định hướng phát triển	6
5. Các rủi ro	7
<b>II. Tình hình hoạt động trong năm</b>	<b>8</b>
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	8
2. Tổ chức và nhân sự	9
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện dự án	12
4. Tình hình tài chính	12
5. Cơ cấu cổ đông	14
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội	14
<b>III. Báo cáo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>16</b>
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	16
2. Đánh giá tình hình tài chính	18
3. Kế hoạch phát triển trong tương lai	19
4. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội	20
<b>IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị</b>	<b>20</b>
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	20
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	21
3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	21
<b>V. Quản trị công ty</b>	<b>23</b>
1. Hội đồng quản trị	23
2. Ban kiểm soát	25
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	27
<b>VI. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022</b>	<b>30</b>



**I. Thông tin chung:****1. Thông tin khái quát:**

<b>Tên giao dịch</b>	: CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH
<b>Tên tiếng Anh</b>	: TAY NINH RUBBER JOINT STOCK COMPANY
<b>Tên viết tắt</b>	: TRC
<b>Logo</b>	
<b>Giấy chứng nhận ĐKDN</b>	: Mã số doanh nghiệp: 3900242776 Đăng ký thay đổi lần thứ 6; 16/12/2021
<b>Vốn điều lệ</b>	: 300.000.000.000 VNĐ
<b>Vốn chủ sở hữu đến ngày 31/12/2022</b>	: 1.577.958.508.456 VNĐ
<b>Địa chỉ</b>	: QL 22B, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh
<b>Số điện thoại</b>	: 0276. 3853606 - 3853232
<b>Số fax</b>	: 0276. 3853608
<b>Website</b>	: <a href="http://www.taniruco.com">www.taniruco.com</a>
<b>Mã cổ phiếu</b>	: TRC

**Quá trình hình thành và phát triển:**

Trong quá trình phát triển của mình, Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh có nhiều tên gọi khác nhau qua các thời kỳ như: Nông trường quốc doanh cao su Tây Ninh (tháng 04/1975), Công ty Cao su Tây Ninh, Xí nghiệp liên hiệp Cao su Tây Ninh, Công ty TNHH MTV Cao su Tây Ninh. Năm 2006, Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn ký quyết định chuyển Công ty TNHH MTV Cao su Tây Ninh thành Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh. Tháng 12/2006, tổ chức Đại hội Đồng cổ đông sáng lập lần đầu tiên của Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh và hoạt động với mức vốn điều lệ là 300 tỷ đồng. Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh được nhận Giấy phép Đăng ký kinh doanh số 4503000058 của Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Tây Ninh, hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần cho đến thời điểm hiện nay.

Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh gồm có: 07 Phòng nghiệp vụ, 03 Nông trường, 01 Xí nghiệp, 01 Trung tâm Y tế, 01 Khu Kinh doanh tổng hợp. Năm 2012, Công ty triển khai dự án trồng cao su tại Vương quốc Campuchia. Đến năm 2014 Bộ Kế hoạch & Đầu tư cấp phép Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 682/BKHĐT- ĐTRNN ngày 08/02/2014 cho Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh trực tiếp đầu tư cho dự án tại Vương quốc Campuchia.

Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh đã áp dụng đồng thời 3 bộ quy chuẩn là hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015 và hệ thống quản lý kiểm nghiệm ISO 17025:2017. Các sản phẩm của Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh luôn được khách hàng trong và ngoài nước tín nhiệm. Chúng loại sản phẩm của Công ty bao gồm: Cao su ly tâm (Latex), SVR 3L, SVR 5, SVR 10, SVR 20. Đặc biệt sản phẩm cao su ly tâm (Latex) là sản phẩm chủ lực, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu sản



phẩm của Công ty.

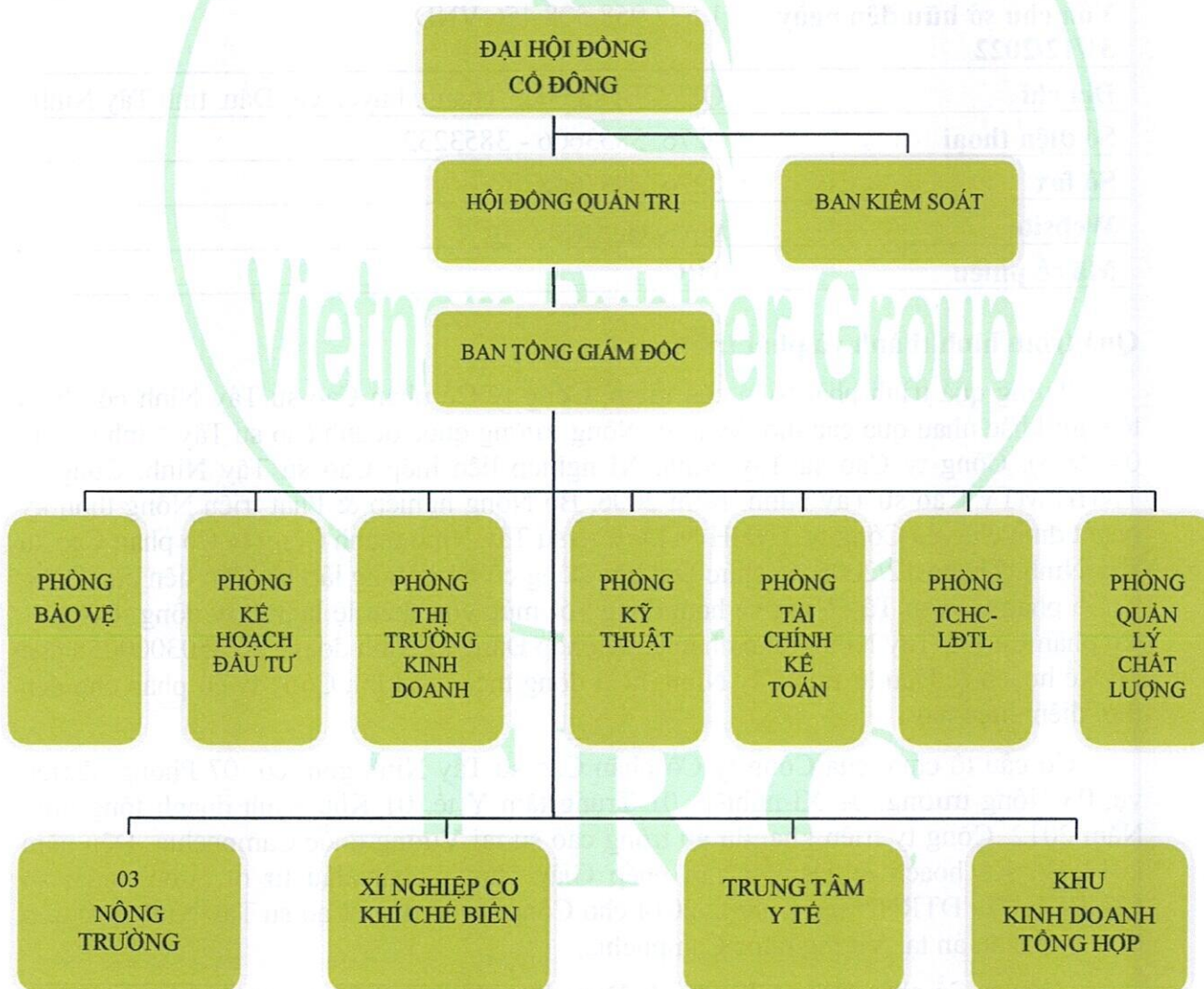
Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh đã được Đảng và Nhà nước khen tặng nhiều danh hiệu cao quý như: Anh hùng lao động, Huân chương lao động hạng nhất, Huân chương lao động hạng nhì, Huân chương chiến công hạng ba, nhiều Bằng khen của UBND Tỉnh Tây Ninh, của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM, Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước.

## 2. Ngành nghề kinh doanh:

Công ty đăng ký tổng cộng 18 ngành nghề kinh doanh. Trong đó, lĩnh vực kinh doanh chính: Trồng mới, chăm sóc, khai thác, chế biến và kinh doanh cao su thiên nhiên.

Công ty đồng thời xây dựng và phát triển sản phẩm phù hợp với thị trường trong và ngoài nước, triển khai hiệu quả các kế hoạch và mục tiêu của Công ty.

## 3. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:





Hiện tại Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh đang áp dụng mô hình tổ chức của Công ty cổ phần. Mô hình quản trị của Công ty bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban chức năng, 03 Nông trường, 01 Xí nghiệp cơ khí chế biến, 01 Trung tâm y tế và 01 Khu Kinh doanh tổng hợp. Các bộ phận thành lập và hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ cụ thể. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu quản trị, quản lý Công ty, đảm bảo hiệu quả quản trị của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành. Theo đó:

---

### **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một lần theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

---

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản lý Công ty, có quyền quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ.

HĐQT của Công ty có 05 thành viên.

#### **BAN KIỂM SOÁT**

Ban kiểm soát (BKS) là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ do ĐHĐCĐ bầu ra. Vai trò của BKS là đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và giám sát các hoạt động của Công ty theo quy định pháp luật.

BKS của Công ty có 03 thành viên.

---

#### **BAN ĐIỀU HÀNH**

Cơ cấu Ban điều hành Công ty gồm 04 thành viên: 01 Tổng Giám đốc, 02 Phó Tổng Giám đốc và 01 Kế toán trưởng.

Tổng Giám đốc là người đại diện pháp luật, điều hành hoạt động, có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty theo quy định trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT và Ban Kiểm soát; chịu sự giám sát của HĐQT và Ban Kiểm soát; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và pháp luật về việc điều hành hoạt động của Công ty và việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Phó Tổng Giám đốc là người quản lý điều hành một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công, uỷ quyền của Tổng Giám đốc, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công, uỷ quyền.

Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, tài chính của Công ty, các quyền và nhiệm vụ theo quy định của Công ty và pháp luật.



**Thông tin Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư dài hạn khác:****Công ty con****1. Công ty Tây Ninh Siêm Riệp PTCS:**

- Địa chỉ: Huyện Trapeang Prasat, tỉnh Oddar Meanchey, Campuchia.
- Lĩnh vực kinh doanh chính: Trồng, khai thác và chế biến sản phẩm từ cao su.
- Vốn đầu tư đến 31/12/2022: 968.839.917.788 đồng
- Tỷ lệ sở hữu: 100%.

**Các công ty liên doanh, liên kết và đầu tư dài hạn khác****1. Công ty Cổ phần Chế biến XNK Gỗ Tây Ninh:**

- Địa chỉ: Xã Thạnh Đức, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.
- Lĩnh vực kinh doanh chính: Chế biến gỗ, xuất nhập khẩu gỗ.
- Vốn điều lệ thực góp: 24.500.000.000 đồng
- Tỷ lệ lợi ích: 49%.

**2. Công ty CPCS Việt Lào:**

- Địa chỉ: Huyện Pakse, tỉnh Champasak, CHDCND Lào.
- Lĩnh vực kinh doanh chính: Trồng, khai thác và chế biến cao su.
- Vốn điều lệ thực góp: 77.500.000.000 đồng
- Tỷ lệ lợi ích: 10%.

**3. Công ty CPTMDV và Du lịch Cao su:**

- Địa chỉ: Tỉnh Quảng Ninh.
- Lĩnh vực kinh doanh chính: Kinh doanh XNK các loại cao su, nông, lâm, thủy sản, thực hiện các dự án xây dựng khách sạn, resort, kinh doanh dịch vụ lữ hành.
- Vốn góp còn tại thời điểm 31/12/2022: 8.661.170.000 đồng
- Tỷ lệ lợi ích: 2,34%.

**4. Công ty CPPT KCN Cao su Việt Nam:**

- Địa chỉ: Tỉnh Hải Dương.
- Lĩnh vực kinh doanh chính: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và kinh doanh Khu công nghiệp.
- Vốn điều lệ thực góp: 17.660.000.000 đồng
- Tỷ lệ lợi ích: 6,82%.

**5. Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Lào Cai:**

- Địa chỉ: Tỉnh Lào Cai.
- Lĩnh vực kinh doanh chính: Trồng, khai thác và chế biến sản phẩm từ cao su.
- Vốn điều lệ thực góp: 36.951.850.950 đồng
- Tỷ lệ lợi ích: 17,56%.



#### 4. Định hướng phát triển:

- Giữ vững và nâng cao uy tín thương hiệu. Không ngừng mở rộng thị trường, nâng dần tỷ trọng sản phẩm có giá trị kinh tế cao và tiến đến cơ cấu sản phẩm hợp lý đáp ứng kịp thời yêu cầu thị trường.

- Nhận thức rõ ràng các nguy cơ, thách thức trong hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng nhiều phương án quản lý linh hoạt, có hiệu quả.

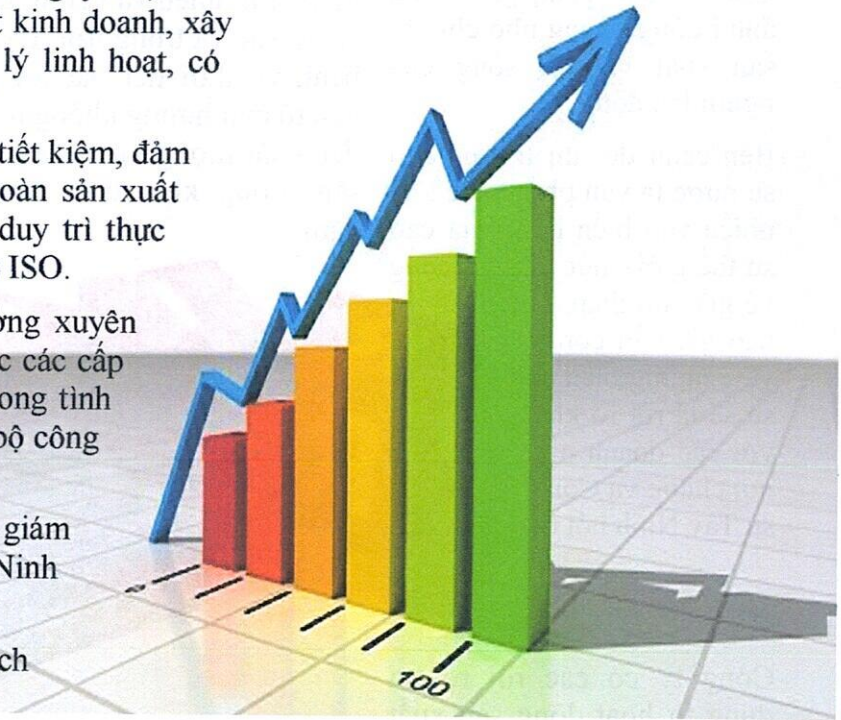
- Thực hiện triệt để việc tiết kiệm, đảm bảo hiệu quả năng suất, an toàn sản xuất gắn với bảo vệ môi trường; duy trì thực hiện hệ thống quản lý tích hợp ISO.

- Đổi mới quản lý, thường xuyên đào tạo và bồi dưỡng năng lực các cấp nhằm đáp ứng với yêu cầu trong tình hình mới. Ứng dụng các tiến bộ công nghệ vào quản lý và sản xuất.

- Tăng cường chỉ đạo, giám sát đối với Công Ty Tây Ninh Siêm Riệp - Phát triển Cao su.

- Cân đối hài hoà lợi ích của các cổ đông, doanh nghiệp và người lao động. Xây dựng văn hoá công ty, tạo môi trường làm việc văn minh, đảm bảo ổn định đời sống vật chất cũng như tinh thần cho người lao động.

- Phát huy tinh thần sáng tạo trong đội ngũ trẻ. Phát huy tối đa nội lực, lấy phát triển nguồn nhân lực làm trọng tâm, kiện toàn bộ máy tổ chức, xây dựng đội ngũ nhân sự kế thừa không những giỏi về chuyên môn mà còn năng động, nhiệt huyết để cùng với Công ty tạo ra những bước đột phá mới trong tương lai.



TRC- PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TRC



## 5. Các rủi ro:

### Rủi ro về thị trường tiêu thụ

Trong năm 2022, do chịu nhiều tác động của suy thoái kinh tế, lạm phát, giá cả đã ảnh hưởng không nhỏ chi phí sản xuất và đời sống của người lao động.

Bên cạnh đó, thị trường cao su nước ta vẫn phụ thuộc khá nhiều vào biến động giá cao su thế giới, mức độ chủ động về giá còn thấp, khả năng dự báo giá vẫn còn hạn chế. Vì vậy, những biến động giá cao su sẽ là rủi ro không nhỏ đối với các doanh nghiệp cao su nói chung và Công ty CP Cao su Tây Ninh nói riêng.

### Rủi ro tín dụng

Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

### Rủi ro dịch bệnh, thời tiết

Cao su là cây lâu năm, năng suất và sự tăng trưởng phụ thuộc rất nhiều vào công tác chăm sóc và trồng trọt. Dịch bệnh và thời tiết bất lợi là yếu tố ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng vườn cây và sản lượng khai thác trong năm.

### Rủi ro về chính sách, pháp luật

Việc thay đổi các chính sách, các văn bản luật và dưới luật sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của Công ty.

Đối với dự án đầu tư tại Campuchia; sự bất đồng ngôn ngữ, phong tục tập quán, thói quen làm việc - sinh hoạt của người Campuchia... đặc biệt là các chính sách pháp luật của chính quyền sở tại là khó khăn và rủi ro không nhỏ đối với sự đầu tư kinh doanh của Công ty.

### Rủi ro về tỷ giá

Là doanh nghiệp kinh doanh cao su, có định hướng gia tăng xuất khẩu và ủy thác xuất khẩu vì vậy biến động tỷ giá là yếu tố quan trọng tác động đến hiệu quả kinh doanh của công ty.

Ngoài ra, công ty đã và đang triển khai dự án trồng cao su tại Campuchia với quy mô lớn (7.600 ha) mọi chi phí đều thanh toán bằng USD, vì vậy những biến động trong tỷ giá VND/USD cũng sẽ tác động đến chi phí hoạt động và đầu tư của công ty.



**II. Tình hình hoạt động trong năm:****1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Tăng/ Giảm	
					Tăng/ Giảm so với KH (%)	Tăng/ Giảm so với 2021 (%)
Diện tích khai thác công ty mẹ	Ha	3.758,52	4.037,20	4.037,20	0,00	7,41
Sản lượng khai thác công ty mẹ	Tấn	8.249	7.700	8.824	14,60	6,97
Năng suất bình quân công ty mẹ	Tấn/ha	2,2	1,9	2,2	15,79	0,00
Sản lượng tiêu thụ công ty mẹ	Tấn	8.461	8.400	9.430	12,26	11,45
Tổng doanh thu công ty mẹ	Tr.đồng	431.866	372.371	443.849	19,20	2,77
Lợi nhuận trước thuế công ty mẹ	Tr.đồng	125.635	86.495	103.953	20,18	-17,26
Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	Tr.đồng	109.596	75.567	90.270	19,46	-17,63
Tổng doanh thu hợp nhất	Tr.đồng	482.462		561.126		16,3
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Tr.đồng	113.257		88.674		-21,71
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Tr.đồng	97.218		74.991		-22,86
Tỷ suất LNST hợp nhất / Tổng Doanh thu	%	20,15		13,36		-33,68
Tỷ suất LNST hợp nhất / Tổng Tài sản	%	4,91		3,79		-22,86
Tỷ suất LNST hợp nhất / Vốn CSH	%	6,57		5,01		-23,77

Tổng quát tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2022 mang nhiều tín hiệu tích cực và khó khăn đan xen với nhau. Trong điều kiện suy thoái kinh tế toàn cầu, áp lực lạm phát tăng cao, khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn vay phục vụ sản xuất kinh doanh và giá bán cao su giảm nhưng Công ty đã có giải pháp nhằm tăng năng suất vườn cây khai thác, giảm giá thành và tăng cường hoạt động gia công mủ cho các đơn vị bên ngoài góp phần hoàn thành các chỉ tiêu theo kế hoạch đã được ĐHCĐ 2022 thông qua.

Trong năm 2022, thị trường cao su trong và ngoài nước vẫn còn bị ảnh hưởng lớn từ



chính sách Zero Covid của Trung Quốc, cuộc chiến tranh giữa Nga - Ukraina và việc điều chỉnh chính sách tiền tệ của các nước lớn. Đây là những nguyên nhân chính làm cho giá bán nguồn nguyên liệu đầu vào của quá trình sản xuất cao su tăng cao, giá bán cao su lại xoay chiều giảm từ nửa cuối năm 2022. Mặc dù hàng loạt các chỉ số về sản lượng khai thác, sản lượng tiêu thụ, doanh thu, lợi nhuận của Công ty đều vượt từ 12% trở lên so với Kế hoạch đã đề ra và tăng so với năm 2021 nhưng chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế của Công ty chỉ đạt 90,27 tỷ đồng, giảm 17,63% so với năm 2021.

Bên cạnh đó, Công ty Tây Ninh Siêm Riệp- PTCS (Công ty con, 100% vốn CSH) bước qua năm khai thác thứ 3, hoạt động trên địa bàn Vương quốc Campuchia, cũng gặp nhiều khó khăn trong việc gia công mù nguyên liệu; các loại chi phí trong việc trồng, khai thác và tiêu thụ sản phẩm cũng tăng cao. Điều đó làm cho lợi nhuận sau thuế hợp nhất Công ty năm 2022 giảm 22,86% so với năm 2021.

## 2. Tổ chức và nhân sự:

### Ban điều hành:

#### 1. Ông Lê Văn Chành - Tổng Giám đốc

- Năm sinh:	1963
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
- Số lượng cổ phiếu sở hữu:	4.502.600 cổ phần
	Trong đó:
	- Số lượng cổ phần được ủy quyền:
	4.500.000
	- Số lượng cổ phần sở hữu: 2.600

#### 2. Ông Trương Văn Minh - Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh:	1962
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư nông nghiệp
- Số lượng cổ phiếu sở hữu:	2.100 cổ phần

#### 3. Ông Nguyễn Hồng Thái - Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh:	1968
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư nông nghiệp
- Số lượng cổ phiếu sở hữu:	0 cổ phần

#### 4. Bà Trần Thị Tố Anh - Kế toán trưởng

- Năm sinh:	1987
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
- Số lượng cổ phiếu sở hữu:	0 cổ phần

**Những thay đổi trong ban điều hành năm 2022: Không có.**

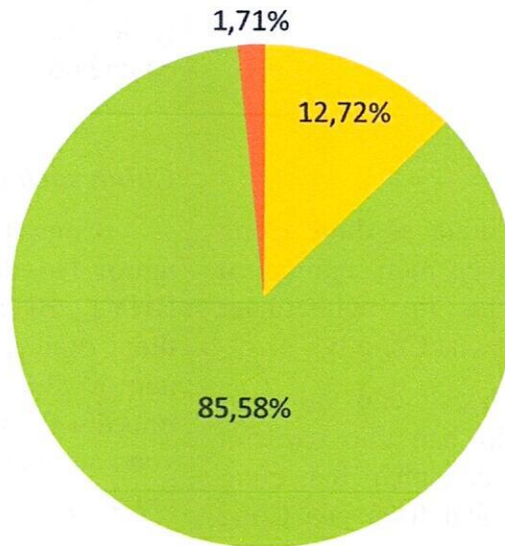


**Cơ cấu lao động Công ty: (Bình quân năm 2022)**

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Toàn Công ty	1.289	100
2	Lao động khối văn phòng	164	12,72
3	Lao động khối trực tiếp sản xuất	1.103	85,58
4	Lao động y tế và Khu kinh doanh tổng hợp	22	1,71

**SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG BÌNH QUÂN NĂM 2022**

■ Khối văn phòng    ■ Trực tiếp sản xuất    ■ Y tế và Khu KDTH



Hiện nay, tỷ lệ lực lượng lao động phân bố tương đối hợp lý giữa các cấp, đơn vị, phòng ban; tỷ lệ lao động gián tiếp - văn phòng được kéo giảm xuống để cân đối với tỷ lệ lao động trực tiếp thực tế. Trình độ lãnh đạo, quản lý và nhân viên văn phòng thì được nâng cao; trình độ tay nghề khai thác của công nhân được đào tạo, kiểm tra định kỳ, đảm bảo quy định của quy trình khai thác cao su theo tiêu chuẩn của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

Công tác quy hoạch vào các vị trí chủ chốt, vị trí quản lý các cấp đảm bảo tính thực tiễn, hợp lý, tính kế thừa về độ tuổi; giúp cho công ty có khả năng duy trì hoạt động lãnh đạo, quản lý Công ty ổn định trong những năm tiếp theo.



**Các chính sách đối với người lao động:*****Chính sách tuyển dụng***

Công ty tuân thủ các yêu cầu pháp luật về tuyển dụng và sử dụng lao động, thực hiện đúng các tiêu chuẩn thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi. Tuyển dụng lao động phù hợp với yêu cầu công việc và phù hợp với quy định của pháp luật.

***Chính sách đào tạo***

CB.CNV tuyển dụng sẽ được Công ty hỗ trợ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ để nâng cao kiến thức, tay nghề nhằm phục vụ cho hoạt động của Công ty.

Công ty có kế hoạch đào tạo ngắn hạn hằng năm và dài hạn cho các đối tượng theo quy định của pháp luật cũng như theo quy hoạch phát triển của Công ty.

***Chính sách lương, thưởng***

Hiện nay, Công ty áp dụng 02 chính sách tiền lương:

+ Đối với lao động trực tiếp: lương khoán theo sản phẩm, tiền lương gắn với kết quả sản xuất, kinh doanh.

+ Đối với lao động gián tiếp: áp dụng theo hình thức lương cơ bản và hệ số lương phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Chính sách thưởng: Hằng năm, Công ty tiến hành đánh giá, xếp loại lao động và có chế độ khen thưởng phù hợp.

***Chính sách phúc lợi, xã hội***

Công ty đảm bảo các chế độ cho người lao động theo quy định (BHXH, BHYT, BHTN,...). Công ty tổ chức đối thoại định kỳ ít nhất 01 năm/lần và cuối năm tổ chức Hội nghị Người lao động để trao đổi thông tin, nắm bắt tâm tư nguyện vọng và giải đáp các thắc mắc của người lao động.

Công ty còn thực hiện đầy đủ các chế độ phúc lợi theo quy định của Luật lao động và thoả ước lao động tập thể của Công ty (tiền lễ, Tết, thăm hỏi ốm đau, khám sức khỏe, đám hi...). Hằng năm, Công ty tổ chức cho CB.CNV của Công ty tham quan, nghỉ mát và được kiểm tra sức khỏe định kỳ... Các hoạt động văn thể mỹ cũng được Công ty chú trọng đầu tư và tổ chức hợp lý nhằm đảm bảo cho CBCNV một môi trường làm việc lành mạnh và văn minh.



**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

STT	Tên Công ty	Vốn Điều lệ	Thực góp đến 31/12/2022	Tỷ lệ lợi ích
<b>1</b>	<b>Đầu tư vào công ty con</b>			
1.1	Công ty Tây Ninh Siêm Riệp - PTCS	1.360.692.000.000	968.839.917.788	100%
<b>2</b>	<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>			
2.1	Công ty CPCB&XNK Gỗ Tây Ninh	50.000.000.000	24.500.000.000	49%
<b>3</b>	<b>Đầu tư dài hạn khác</b>			
3.1	Công ty CPCS Dầu Tiếng - Lào Cai	400.000.000.000	36.951.850.950	17,5%
3.2	Công ty CP TMDV&DL Cao su	427.000.000.000	8.661.170.000	2,3%
3.3	Công ty CP PTĐT&KCN Cao su Việt Nam	258.948.700.000	17.660.000.000	6,8%
3.4	Công ty CPCS Việt Lào	775.000.000.000	77.500.000.000	10%

Trong năm 2022, Công ty thực hiện chuyển vốn cho Công ty Tây Ninh Siêm Riệp - PTCS với số tiền 20,99 tỷ đồng; các dự án đầu tư khác thì không thay đổi số vốn đã góp so với năm 2021.

Nhìn chung các dự án đầu tư đều mang lại hiệu quả tốt, ghi nhận trong năm tổng doanh thu tài chính đạt 8,3 tỷ đồng; chiếm tỷ trọng lớn nhất là cổ tức từ khoản đầu tư vào Công ty CPCS Việt Lào với 4,2 tỷ đồng; thứ hai là Công ty CPCB&XNK Gỗ Tây Ninh (Công ty liên kết) với 1,4 tỷ đồng và thứ ba là khoản chênh lệch tỷ giá 2 tỷ đồng.

**4. Tình hình tài chính:****Tình hình tài chính:**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2022/ Năm 2021 (%)
1	Tổng giá trị tài sản hợp nhất	Tr.đồng	1.974.220	1.982.675	0,43
2	Doanh thu thuần hợp nhất	Tr.đồng	482.462	561.126	16,3
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh hợp nhất	Tr.đồng	71.842	61.791	-13,99
4	Lợi nhuận khác hợp nhất	Tr.đồng	41.415	26.883	-35,09
5	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Tr.đồng	113.257	88.674	-21,71
6	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Tr.đồng	97.218	74.991	-22,86
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	19	Tối thiểu 10	

Trong năm 2022, so với kế hoạch đề ra, Công ty đã đạt được những kết quả mang màu sắc rất tích cực về chỉ số kinh doanh, chỉ số tài chính. Tuy nhiên, nếu so sánh với kết quả năm 2021 thì chỉ tiêu lợi nhuận hợp nhất từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm nay giảm hơn 13,99%, đạt 61,79 tỷ đồng; điều này xuất phát từ việc giá bán sản phẩm giảm,



các khoản chi phí đầu vào tăng cao như phân tích ở trên và doanh thu hoạt động tài chính từ các khoản cổ tức của các đơn vị góp vốn giảm gần 50% so với năm 2021.

Bên cạnh đó, lợi nhuận khác hợp nhất chủ yếu lợi nhuận từ cây cao su thanh lý giảm dẫn tới lợi nhuận khác hợp nhất cũng bị giảm đi đáng kể, đạt 26,88 tỷ đồng so với 41,41 tỷ đồng năm 2021; tương đương giảm 35,09%.

Công ty đã thông báo chi trả cổ tức đợt 1 năm 2022, mức chi trả là 10%; tỷ lệ cụ thể sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định sau khi tổ chức Đại hội.

### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
	Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	2,19	1,87
	+ Hệ số thanh toán nhanh:			
	(Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	1,81	1,56
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	9,16	10,15
	+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	11,58	12,75
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	+ Vòng quay hàng tồn kho:			
	Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	6,11	7,06
	+ Vòng quay tổng tài sản			
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	0,24	0,28
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	20,15	13,36
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	6,57	5,01
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	4,91	3,79
	+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	16,56	11,01

Trong năm 2022, để đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty đã thực hiện vay vốn lưu động tại Ngân hàng SHB.HCM. Tính đến ngày 31/12/2022, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty với số tiền: 11,2/30 tỷ đồng hạn mức cho vay, với lãi suất vay là 14%/năm.

Công ty thực hiện đầu tư mua sắm tài sản phù hợp, đúng theo quy định của pháp luật, trích khấu hao tài sản, thanh lý, nhượng bán tài sản theo đúng chế độ hiện hành theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

Thực hiện quản lý công nợ phải thu, phải trả chi tiết theo từng khách hàng, từng đối tượng nợ. Thực hiện việc trích lập dự phòng theo đúng quy định hiện hành. Tính đến ngày 31/12/2022: Tổng số nợ phải thu: 34.956 triệu đồng, tổng nợ phải trả: 138.455 triệu đồng, không phát sinh các khoản nợ phải trả quá hạn.



**5. Cơ cấu cổ đông:****a. Cổ phần:**

- Vốn điều lệ Công ty: 300.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu: 30.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 29.125.000 cổ phiếu
- Cổ phiếu quỹ: 875.000 cổ phiếu

**b. Cơ cấu cổ đông: (Số liệu chốt tại thời điểm 19/12/2022)**

STT	LOẠI CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>671</b>	<b>28.753.750</b>	<b>95,84</b>
1	Cổ đông nhà nước	1	18.000.000	60
2	Cổ đông tổ chức	12	4.014.366	13,38
3	Cổ đông cá nhân	658	6.739.384	22,46
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>42</b>	<b>371.250</b>	<b>1,24</b>
1	Cổ đông tổ chức	14	352.900	1,18
2	Cổ đông cá nhân	28	18.350	0,06
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>1</b>	<b>875.000</b>	<b>2,92</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>714</b>	<b>30.000.000</b>	<b>100</b>

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội:****a. Tác động lên môi trường:**

- Tổng phát thải khí nhà kính: Hiện nay Công ty có các điểm phát thải sau:
  - + Nhà máy Chế biến Cao su Hiệp Thành:
    - 02 lò sấy mũ sử dụng Gas LPG, với lưu lượng thải: 40.000 m<sup>3</sup>/h.
    - 01 ống khói Phòng công phá mẫu QLCL sử dụng điện, với lưu lượng thải: 2.309 m<sup>3</sup>/h
    - 01 ống khói máy phát điện sử dụng Dầu DO, với lưu lượng thải: 1.033 m<sup>3</sup>/h.
  - + Nhà máy Chế biến Cao su Bến Củi:
    - 01 lò sấy mũ cao su sử dụng Gas LPG, với lưu lượng thải: 20.000 m<sup>3</sup>/h
    - 04 lò sấy mũ sử dụng củi, với lưu lượng thải: 5.924 m<sup>3</sup>/h.
- Tổng phát thải của Công ty là 69.266 m<sup>3</sup>/h.
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu khí nhà kính:
  - + Thay đổi nhiên liệu đốt lò Dầu DO chuyển qua sử dụng khí gas LPG.
  - + Ban hành, giao khoán định mức các nhiên liệu dùng trong sản xuất.



- + Kiểm soát các ô nhiễm dưới mức cho phép của tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định.

**b. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

- Tổng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm chính:

Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh sử dụng nguyên liệu chính là mủ cao su thiên nhiên được cung cấp bởi vườn cây của 03 Nông trường trực thuộc Công ty, với tổng nguyên liệu mủ cao su quy khô năm 2021 là 8.853,032 tấn.

- Báo cáo tỷ lệ phân trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất: 0,0001%

**c. Tiêu thụ năng lượng:**

- Năng lượng tiêu thụ: Trong năm 2022, toàn Công ty sử dụng 2.048.082 kwh bao gồm sản xuất và sinh hoạt.

- Năng lượng tiết kiệm: Công ty tiết kiệm được 70.795 kwh so với năm 2021 bằng các giải pháp tiết kiệm như:

- + Lắp các tấm tole lợp lấy sáng trên các mái nhà xưởng ở 02 Nhà máy chế biến.
- + Thay các bóng đèn cao áp, đèn huỳnh quang thành bóng đèn tiết kiệm điện, đèn led.
- + Tách mạng lưới điện chiếu sáng theo từng khu vực/bộ phận để đóng/mở chiếu sáng theo từng khu vực/bộ phận phù hợp với mục tiêu chiếu sáng.
- + Lắp tụ bù cho các động cơ có cos  $\phi$  thấp, cân chỉnh pha để giảm tổn thất đường dây.
- + Vận hành dây chuyền sản xuất SVR 10 rút gọn theo TCCS 113: 2017/TĐCNCSVN bằng cách giảm 01 máy cắt miêng số 2 (12 dao) nhưng vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm.
- + Kiểm soát lượng điện tiêu thụ so với định mức quy định bằng cách thay thế, sửa chữa kịp thời các biến tần và các loại thiết bị tiết kiệm điện khác.

**d. Tiêu thụ nước:**

Nguồn cung cấp nước từ giếng khoan và một phần được lấy từ nước thải sau xử lý đạt cột A, QCVN 01-MT: 2015/BTNMT để cung cấp cho dây chuyền sản xuất mủ tạt và vệ sinh nhà máy.

- Lượng nước sử dụng toàn Công ty: 139.381 m<sup>3</sup>.
- Tỷ lệ phân trăm nước tái chế/tái sử dụng so với nước ngầm: 38,3%
- Tổng nước tái chế/tái sử dụng: 53.431 m<sup>3</sup>.

**e. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không có.

- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

**f. Chính sách liên quan người lao động:**

- Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:
- + Lao động sử dụng bình quân: 1.289 người
- + Thu nhập bình quân toàn công ty: 11.701.854 đồng/người/tháng



- Chính sách nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Mỗi năm Công ty đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ 1 năm/lần đối với lao động văn phòng và 2 lần/năm đối với lao động trực tiếp sản xuất tại Trung tâm y tế của Công ty. Các hồ sơ khám sức khỏe đều được lưu lại, chuyên thông tin về đơn vị trực thuộc để thông báo cho người lao động. Bên cạnh đó, Công ty định kỳ tổ chức các khóa huấn luyện an toàn vệ sinh lao động cho đối tượng lao động nhóm 3, nhóm 4 theo quy định và các buổi tập huấn về an toàn PCCC phối hợp với cơ quan chức năng tại địa bàn.

Hằng năm Công ty có chính sách phúc lợi trong các dịp lễ tết, tổ chức cho CB.CNV của Công ty tham quan, nghỉ mát hoặc phát tiền mặt tại đơn vị chủ quản.

Ngoài ra, Công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ phúc lợi khác theo quy định của Luật lao động và thoả ước lao động tập thể của Công ty (thăm hỏi ốm đau, tử tuất,...). Bên cạnh đó, để giúp cán bộ công nhân viên thư giãn và tăng cường sức khỏe, công ty phối hợp với công đoàn Công ty tổ chức các buổi giao lưu văn nghệ, thể thao vào các dịp kỷ niệm, ngày lễ trong năm.

- Hoạt động đào tạo của người lao động: Trong năm 2022, Công ty tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn như sau:

- + Tập huấn cán bộ quản lý Phòng Quản lý Chất lượng
- + Tập huấn Chương trình thử nghiệm thành thạo VPT 1.5.22.64
- + Tập huấn đào tạo nhận thức và thực hành các công cụ LEAN
- + Tập huấn nghiệp vụ công tác thi đua khen thưởng
- + Tập huấn về hoạt động đo lường và đảm bảo đo lường tại D/nghiệp
- + Tập huấn, huấn luyện quân sự cho lực lượng tự vệ

Tổng kinh phí: 64.594.815 đồng.

#### **g. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương:**

Công ty đã thực hiện nhiều chương trình Hỗ trợ trẻ em, đồng bào dân tộc nghèo, trung tâm bảo trợ, học bổng, quỹ khuyến học tại các địa phương; Hội nạn nhân chất độc da cam; Xây dựng, tu sửa nâng cấp khu mộ Liệt sĩ, nhà tưởng niệm, bảo tàng, truyền thống, văn hóa; Hỗ trợ làm đường, xây cầu, cầu treo, cầu khỉ (Hỗ trợ XD nông thôn mới); Hỗ trợ UBND, CCB, MTTQ, TNXP, Hội Liên Hiệp Phụ Nữ; Đóng góp các quỹ, chương trình "xuân chiến sĩ"; Hỗ trợ các chương trình cho các hoạt động an sinh xã hội khác trong năm với tổng số tiền **1.124.418.880** đồng.

### **III. Báo cáo đánh giá của Ban Tổng giám đốc:**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2021	TH 2022	Tăng/ Giảm so với 2021 (%)
Tổng doanh thu hợp nhất	Tr.đ	482.462	561.126	16,3
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Tr.đ	113.257	88.674	-21,7
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Tr.đ	97.218	74.991	-22,8

Công ty triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2022 trong điều



kiện nhiều khó khăn và thuận lợi đan xen, khó dự báo được xu hướng trong năm.

Năm 2022, thời tiết khá thuận lợi, lượng mưa phù hợp và kéo dài trong năm từ tháng 4-12 giúp duy trì độ ẩm trên vườn cây, cộng với công tác phun phòng trị bệnh phấn trắng và bón phân đầu mùa cao được Công ty thực hiện tốt và kịp thời, tạo điều kiện cho vườn cây sinh trưởng và phát triển tốt, vườn cây ra lá ổn định, góp phần hoàn thành vượt mức kế hoạch sản lượng khai thác năm 2022. Cùng với đó, sự tin tưởng của các đơn vị trong ngành về chế biến sản phẩm mủ cao su đạt chất lượng tốt nên Công ty luôn có sản lượng gia công ổn định, góp phần tăng thu nhập cho người lao động và nâng cao hiệu quả sử dụng dây chuyền chế biến của cả 02 nhà máy chế biến.

Về chính sách kinh tế, các chính sách hỗ trợ như giảm thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với một số nhóm hàng hóa và dịch vụ từ 10% xuống 8% từ ngày 01/02/2022 đến ngày 31/12/2022 theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP; giảm 50% thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu từ ngày 01/4/2022; gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, tiền thuê đất theo Nghị định số 34/2022/NĐ-CP là các chính sách nổi bật của Chính phủ, được ban hành kịp thời, có tác dụng lớn trong việc giúp ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống của người lao động Công ty.

Bên cạnh đó, Trung Quốc mở cửa trở lại sau thời gian dài “đóng cửa” phòng chống dịch Covid-19 nên tâm lý kỳ vọng nền kinh tế của nước này phục hồi và nhu cầu mua sản phẩm cao su cũng được cải thiện.

Tuy nhiên, giá dầu thô, khí đốt thế giới tăng cao do ảnh hưởng của cuộc chiến tranh Nga - Ukraina. Các nước cấm vận nhập khẩu dầu mỏ từ Nga làm giá xăng dầu trong nước tăng cao, dẫn tới tăng chi phí đầu vào như: giá nguyên, nhiên, vật liệu, cước vận tải, chi phí logistic khiến giá thành tiêu thụ sản phẩm tăng cao, làm giảm đáng kể hiệu quả kinh tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tình hình trị trường phân bón biến động tăng mạnh, để đảm bảo không vượt kế hoạch giá thành, Công ty thực hiện bón phân cho vườn cây kinh doanh trên vườn cây nhóm 1, 2 và định mức phân bón vô cơ chỉ khoảng 48% so với định mức theo Quy trình kỹ thuật năm 2020 của Tập đoàn CNCS Việt Nam ban hành.

Công tác quản lý, thực hiện suất đầu tư nông nghiệp gặp nhiều khó khăn khi suất đầu tư nông nghiệp hiện nay ở mức thấp so với đơn giá mặt bằng chung tại địa phương. Đặc biệt, khi đơn giá công lao động và giá vật tư thuốc bảo vệ thực vật, phân bón tăng cao như hiện nay làm ảnh hưởng rất lớn đến công tác chăm sóc vườn cây tái canh, kiến thiết cơ bản cũng như việc tìm nguồn lao động.

Đây là năm thứ 2 Công ty không còn được miễn tiền thuê đất đối với vườn cây tái canh trong thời gian KTCB. Điều này ảnh hưởng lớn đến tổng mức đầu tư của vườn cây tái canh, đặc biệt là trong giai đoạn khó khăn như những năm gần đây.

Nhu cầu vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh gặp khó khăn trong việc tiếp cận được nguồn vốn trong giai đoạn cuối năm 2022.

Giá cao su biến động giảm trong bối cảnh lo ngại về suy thoái kinh tế toàn cầu sẽ làm nhu cầu cao su chậm lại.

Trước tình hình sản xuất kinh doanh năm 2022 như phân tích trên, ngay từ đầu năm Công ty đã chủ động xây dựng các phương án, giải pháp phù hợp để điều hành, quản lý hoạt động kinh doanh theo kế hoạch đã đề ra, cùng với sự nỗ lực, đoàn kết của tập thể cán bộ và người lao động để thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022. Bên cạnh



đó, Công đoàn và các tổ chức đoàn thể khác đã phát huy rất tốt vai trò, chức năng và trách nhiệm của mình, chia sẻ, hỗ trợ người lao động, đồng hành cùng Công ty hoàn thành nhiệm vụ chung.

## 2. Đánh giá tình hình tài chính:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2022/ Năm 2021 (%)
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	
<b>I</b>	<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.974.220</b>	<b>100</b>	<b>1.982.675</b>	<b>100</b>	<b>0,43</b>
1	Tài sản ngắn hạn	396.556	20,09	376.937	19,01	-4,95
2	Tài sản dài hạn	1.577.664	79,91	1.605.738	80,99	1,78
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn</b>	<b>1.974.220</b>	<b>100</b>	<b>1.982.675</b>	<b>100</b>	<b>0,43</b>
1	Nợ ngắn hạn	180.783	9,16	201.268	10,15	11,33
2	Nợ dài hạn	232.937	11,8	203.448	10,26	-12,66
3	Vốn chủ sở hữu	1.560.500	79,04	1.577.959	79,59	1,12

Ban lãnh đạo Công ty thường xuyên xem xét, cân đối nguồn và vốn để phục vụ kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ bản, thực hiện dự án trồng cao su tại Vương quốc Campuchia và chi trả các chế độ cho người lao động; đảm bảo công tác hạch toán tính đúng, tính đủ vào giá thành; đảm bảo việc chi trả lương, thưởng và các chế độ chính sách đến tay người lao động; thực hiện chi nộp Ngân sách Nhà nước đầy đủ, kịp thời; thực hiện thanh quyết toán các công trình xây dựng cơ bản theo quy định; hoàn thành công tác báo cáo tài chính, báo cáo định kỳ theo quy định của Pháp luật, góp phần cho công tác công bố thông tin được kịp thời.

Thời điểm cuối năm 2022, Công ty có nhiều khoản chi cho người lao động như tiền lương, tiền thưởng năm và các khoản tiền chế độ. Do đó, tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng tại các ngân hàng thương mại được rút ra để bổ sung lượng tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn để đáp ứng nhu cầu chi trả làm cho các khoản tiền gửi bằng VND giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước.

Năm nay, Công ty đã chuyển diện tích vườn cây kiến thiết cơ bản đủ tiêu chuẩn sang vườn cây kinh doanh tại công ty mẹ và công ty con - Công ty Tây Ninh Siêm Riệp - PTCS là nguyên nhân chính làm cho giá trị tài sản cố định tăng lên đáng kể 762,41 tỷ đồng so với 480,48 tỷ đồng tại thời điểm cuối năm 2021.

Về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn thì trong năm 2022, Công ty mẹ đã ký hợp đồng vay vốn lưu động với ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức 30 tỷ đồng; mục đích là vai bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời hạn 12 tháng. Số dư khoản vay này tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022 là 11,2 tỷ đồng.

Về các khoản vay, nợ thuê tài chính trung và dài hạn, Công ty con - Công ty Tây Ninh Siêm Riệp - PTCS đã ký hai hợp đồng tín dụng với ngân hàng SHB Campuchia vào năm 2014 và 2017 mục đích vay là đầu tư dự án trồng mới và chăm sóc 6.157 ha cao su tại Vương Quốc Campuchia với hạn mức là 19.438.000 USD và 10.235.00 USD. Tính đến ngày 31/12/2022, số dư nợ gốc lần lượt là 6.106.321,55 USD và 4.061.175,04 USD.

Công ty không có các khoản vay và nợ quá hạn chưa thanh toán trong năm 2022.



### 3. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Năm 2023, dự báo sẽ vẫn là một năm đầy khó khăn cho thị trường cao su thế giới nói chung và của Việt Nam nói riêng. Ban lãnh đạo Công ty tiếp tục duy trì ổn định hoạt động sản xuất, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động. Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh phấn đấu hoàn thành những mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023
<b>Công ty CPCS Tây Ninh</b>			
1	Sản lượng khai thác	Tấn	8.000
2	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	8.600
3	Tổng doanh thu	Triệu đồng	373.082
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	77.436
5	Tổng nhu cầu vốn đầu tư	Triệu đồng	234.173

#### Giải pháp thực hiện kế hoạch 2023:

Phát huy những thành tích đạt được đồng thời dự kiến những khó khăn thách thức sắp tới, Công ty CP Cao su Tây Ninh có định hướng thực hiện cho năm 2023 như sau:

- Khai thác và quản lý tốt 4.156,38 ha cao su kinh doanh, phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản lượng năm 2023 là 8.000 tấn, năng suất vườn cây được duy trì ổn định bằng các biện pháp như:

- + Tiếp tục phối hợp Phòng Nghiên cứu Sinh lý khai thác khảo sát quy hoạch mặt cao hợp lý, khai thác hiệu quả theo tiềm năng của từng vườn cây.

- + Phun phòng bệnh phấn trắng kịp thời, hạn chế tình trạng rụng lá nhiều lần.

- + Duy trì công tác bón phân trên vườn cây cao su kinh doanh, chủ yếu trên vườn cây nhóm I, II. Định mức phân bón NPK 16-8-16 khoảng 50% so với định mức quy trình kỹ thuật 2020 và kết hợp phân bón hữu cơ vi sinh góp phần tăng độ mùn, duy trình dinh dưỡng trong đất giúp cây phục hồi, tái tạo mùn trong thời gian khai thác.

- Chăm sóc tốt 2.694,06 ha vườn cây KTCB, tiếp tục phát huy sử dụng cơ giới vào việc chăm sóc vườn cây.

- Chuẩn bị tốt nguồn cây giống đảm bảo số lượng và chất lượng để trồng tái canh 2023 trên diện tích 103,4 ha.

- Công ty tiếp tục thực hiện và duy trì chứng chỉ rừng VFCS/PEFC, chứng nhận CoC về quản lý rừng bền vững.

- Tiếp tục áp dụng hệ thống tiêu chuẩn ISO 9001 & 14001: 2015, ISO/IEC 17025:2017, chương trình sản xuất tinh gọn LEAN.

- Phấn đấu sản phẩm chế biến đạt tiêu chuẩn VRG.

- Định hướng sản xuất các sản phẩm được thị trường ưa chuộng và có giá trị lợi nhuận cao. Cập nhật, theo dõi thường xuyên diễn biến thị trường tiêu thụ mủ cao su để có chiến lược tiêu thụ sản phẩm phù hợp, đạt hiệu quả kinh tế cao.

- Nâng cao vai trò quản lý của cán bộ các cấp, tiếp tục cải tiến các định mức kinh tế kỹ thuật, ứng dụng khoa học công nghệ để quản lý sản xuất hợp lý nhằm tiết giảm tối đa



giá thành sản xuất ở mức tối ưu.

- Tập trung công tác quản lý, kiểm tra, kiểm soát đầu tư tại Công ty con - Công ty Tây Ninh Siêm Riệp - PTCS và các công ty liên doanh liên kết, góp vốn để thực hiện tốt nhiệm vụ và đảm bảo kinh doanh có lợi nhuận.

- Thường xuyên quan tâm đến đời sống người lao động, giúp cải thiện nâng cao đời sống vật chất lẫn tinh thần để có thể giữ chân người lao động, góp phần duy trì lực lượng lao động ổn định.

#### **4. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội:**

Với chính sách “Phát triển bền vững” được quán triệt xuyên suốt quá trình sản xuất kinh doanh và hoạt động đối với cộng đồng xung quanh; Ban lãnh đạo công ty luôn quan tâm đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với môi trường và xã hội. Trong năm 2022, Công ty có tổng cộng 59 cải tiến, sáng kiến được ghi nhận, trong đó nhiều cải tiến tiết kiệm nguồn nguyên vật liệu, năng lượng và tài nguyên thiên nhiên trong sản xuất chế biến mù cao su với số tiền tiết kiệm được ước tính là 4.903.133.745 đồng. Điều đó góp phần không nhỏ vừa làm tăng hiệu quả quản lý sản xuất, vừa góp phần bảo vệ môi trường một cách bền vững hơn.

Công ty đã thực hiện xong phương án Quản lý rừng bền vững và Chứng chỉ rừng (VFCS/PEFC-FM) số GFA-FM/COC-500508 của Tổ chức GFA Certification GmbH và Chuỗi hành trình sản phẩm PEFC-CoC số SGSCH-COC-370008 của Tổ chức SGS cho 3 Nông trường, Xí nghiệp trực thuộc Công ty. Công ty đang tiếp tục duy trì hệ thống quản lý rừng bền vững và mời tổ chức đánh giá giám sát hệ thống trong những năm tiếp theo.

Chiến lược áp dụng phương án Quản lý rừng bền vững và Hệ thống Chuỗi hành trình sản phẩm CoC theo tiêu chuẩn PEFC vào hoạt động sản xuất kinh doanh cho thấy Ban điều hành rất quyết tâm trong việc tạo ra sản phẩm có giá trị “xanh”, nâng cao tính cạnh tranh bền vững; đồng thời đảm bảo trách nhiệm đối với môi trường và cộng đồng dân cư - xã hội trên địa bàn cây cao su đóng chân.

### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị:**

#### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:**

Năm 2022 được ghi nhận là năm có nhiều biến động nhanh, mạnh, phức tạp, khó lường, nhiều vấn đề chưa từng có tiền lệ, khác biệt và khó khăn hơn rất nhiều so với dự báo trong Kế hoạch phát triển KT-XH của Chính phủ năm 2022. Các biến động này diễn ra cả trong và ngoài nước ảnh hưởng lớn đến hoạt động SXKD của ngành cao su nói chung và Công ty CPCS Tây Ninh nói riêng. Tuy nhiên với tinh thần trách nhiệm cao, mục tiêu đảm bảo sự tăng trưởng - bảo toàn vốn Nhà nước, cùng với kịch bản điều hành SXKD linh hoạt; xây dựng các phương án, giải pháp phù hợp để điều hành, quản lý hoạt động kinh doanh theo chiều hướng có tăng trưởng so với 2021, cùng với sự nỗ lực, đoàn kết của tập thể cán bộ và người lao động, Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022.

Sản lượng khai thác Công ty mẹ vượt kế hoạch 14,6%; năng suất đạt 2,2 tấn/ha, giữ vững danh hiệu Câu lạc bộ 2 tấn trong Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

Tổng doanh thu công ty mẹ đạt 443,85 tỷ đồng, vượt 19,20% so với Kế hoạch và tăng 2,77% so với năm 2021. Tổng doanh thu hợp nhất cũng tăng đáng kể ở mức 16,3%



so với cùng ý năm trước.

Một năm nhiều yếu tố bất lợi như đơn giá nhân công tăng, chi phí nguyên vật liệu đầu vào như phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chi phí máy tăng gần gấp đôi năm trước .v.v. làm cho tổng lợi nhuận trước thuế và sau thuế giảm lần lượt là 17,26% và 17,63% . Tuy nhiên, Ban lãnh đạo công ty cũng cho thấy sự linh hoạt trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh của mình một cách rất hiệu quả; so với kế hoạch năm tổng lợi nhuận trước thuế và sau thuế lần lượt vượt 20,18% và 19,46%.

Thu nhập của cán bộ công nhân viên ước tính đạt khoảng 11,7 triệu đồng/người/tháng.

Vốn và tài sản của các cổ đông được sử dụng một cách hiệu quả, bảo toàn qua các năm. Đồng thời, Công ty cũng cân đối được nguồn đầu tư, bảo đảm hài hòa lợi ích của các cổ đông và có phân phối cho người lao động thông qua chính sách tiền lương và việc sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi. Ngoài ra, Công ty luôn hoàn thành các nghĩa vụ thuế, nộp ngân sách đối với Nhà nước.

HĐQT Công ty thường xuyên chỉ đạo, theo dõi việc cập nhật thông tin trên website của Công ty, báo cáo trên Công thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM và Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước, luôn giữ mối liên hệ trực tiếp với các cổ đông, nhà đầu tư thông qua việc sắp xếp lịch làm việc và tiếp xúc với nhà đầu tư, các quỹ đầu tư hoặc các công ty chứng khoán về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, phân phối lợi nhuận, chia cổ tức và các thông tin có liên quan đến cổ đông TRC.

Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 1053/NQHĐQT-CSTN ngày 28/11/2022 về việc thanh toán cổ tức đợt 1 năm 2022; mức chi 10%; ngày thanh toán: 31/3/2023. Tổng mức chi cổ tức năm 2022 sẽ được ĐHCĐ quyết định trong cuộc họp thường niên năm 2022.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:**

Căn cứ Điều lệ Công ty, Hội đồng Quản trị thực hiện giám sát Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc hằng ngày của Công ty.

- Các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, thể hiện trách nhiệm cao trong việc điều hành.

- Trong năm 2022, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh một cách đầy đủ, minh bạch. Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ các yêu cầu về trình và xin ý kiến các nội dung thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng Quản trị tại các cuộc họp Hội đồng Quản trị định kỳ và đột xuất.

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và tuân thủ các quy định của pháp luật.

- Ban Tổng giám đốc định kỳ tổ chức các cuộc họp giao ban hàng tháng, hàng quý để đánh giá kết quả triển khai các hoạt động được giao. Các hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ hàng ngày đều được tuân thủ theo quy tắc tác nghiệp và quản lý, tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh đều đảm bảo tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành.

## **3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

Hội đồng Quản trị thực hiện nghiêm túc công việc quản trị Công ty theo đúng các



quy định về Quản trị Công ty áp dụng cho các công ty đại chúng và Điều lệ, quy chế Quản trị của Công ty CPCS Tây Ninh. Các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên HĐQT theo đúng Điều lệ, quy chế Quản trị của Công ty và sự phân công của Chủ tịch HĐQT một cách trung thực; tuân thủ các chuẩn mực hành vi, đạo đức nghề nghiệp của thành viên HĐQT; luôn hành động vì quyền lợi của công ty và các cổ đông công ty.

Hội đồng Quản trị lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Ban Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Hội đồng Quản trị hợp tác chặt chẽ với Ban Kiểm soát, đảm bảo cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban Kiểm soát, tôn trọng tư cách khách quan độc lập của Ban Kiểm soát. Hội đồng Quản trị tạo điều kiện tốt nhất cho các thành viên Ban Kiểm soát trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát và chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh, xử lý các sai phạm theo đề xuất của Ban Kiểm soát. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc phối hợp chặt chẽ trong quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:

- Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan đến Pháp luật, Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty;
- Thực hiện nguyên tắc tập trung, dân chủ, công khai, minh bạch;
- Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn.

## V. Quản trị công ty:

### 1. Hội đồng quản trị:

#### Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:

<b>1. Ông Phạm Văn Hồi Em - Chủ tịch Hội đồng quản trị</b>	
- Năm sinh:	1975
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
- Số lượng cổ phiếu sở hữu:	7.500.000 cổ phần
	Trong đó:
	- Số lượng cổ phần được ủy quyền: 7.500.000
	- Số lượng cổ phần sở hữu: 0
<b>2. Ông Lê Văn Chánh - Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc</b>	
- Năm sinh:	1963
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
- Số lượng cổ phiếu sở hữu:	4.502.600 cổ phần
	Trong đó:
	- Số lượng cổ phần được ủy quyền: 4.500.000
	- Số lượng cổ phần sở hữu: 2.600
<b>3. Ông Nguyễn Thái Bình - Thành viên Hội đồng quản trị</b>	
- Năm sinh:	1965



- Trình độ chuyên môn: - Số lượng cổ phiếu sở hữu:	Cử nhân kinh tế 3.003.700 cổ phần Trong đó: - Số lượng cổ phần được ủy quyền: 3.000.000 - Số lượng cổ phần sở hữu: 3.700
---	--

**4. Ông Võ Trần Minh Đăng - Thành viên Hội đồng quản trị**

- Năm sinh: - Trình độ chuyên môn: - Số lượng cổ phiếu sở hữu:	1974 Kỹ sư cơ khí động học 3.001.000 cổ phần Trong đó: - Số lượng cổ phần được ủy quyền: 3.000.000 Số lượng cổ phần sở hữu: 1.000
--	--

**5. Ông Phan Quốc Khải - Thành viên độc lập Hội đồng quản trị**

- Năm sinh: - Trình độ chuyên môn: - Số lượng cổ phiếu sở hữu:	1968 Kỹ sư 0 cổ phần
--	----------------------------

**Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Cuộc họp Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Phạm Văn Hồi Em	8/14	57,1 %	Bỏ nhiệm mới từ ngày 10/6/2022
2	Ông Lê Văn Chành	14/14	100 %	Không có
3	Ông Nguyễn Thái Bình	14/14	100 %	Không có
4	Ông Võ Trần Minh Đăng	14/14	100 %	Không có
5	Ông Phan Quốc Khải	8/14	57,1 %	Bỏ nhiệm mới từ ngày 10/6/2022
6	Ông Phạm Thanh Hòa	6/14	42,9 %	Miễn nhiệm từ ngày 10/6/2022
7	Ông Trương Văn Minh	6/14	42,9 %	Miễn nhiệm từ ngày 10/6/2022

Các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị: 14 Nghị quyết

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG CHÍNH	TỶ LỆ THÔNG QUA
1	91/NQHĐQT-CSTN	26/01/2022	Thông qua một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2021, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 và tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	100%
2	95A/NQHĐQT-CSTN	26/01/2022	Đề cử nhân sự tham gia Hội đồng quản trị	100%



STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG CHÍNH	TỶ LỆ THÔNG QUA
			Công ty và Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2022 - 2027	
3	332/NQHĐQT-CSTN	28/3/2022	Gia hạn thời gian tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2022	100%
4	377/NQ-CSTN	04/4/2022	Tổ chức Đại hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2021	100%
5	513/NQHĐQT-CSTN	23/5/2022	Giới thiệu nhân sự tham gia Ban Kiểm soát, ứng cử chức vụ Trưởng ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cao su Tây Ninh nhiệm kỳ 2022-2027	100%
6	514/NQHĐQT-CSTN	23/5/2022	Cử lại nhân sự tiếp tục tham gia Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cao su Tây Ninh nhiệm kỳ 2022-2027	100%
7	575A/NQHĐQT-CSTN	10/6/2022	Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc kết quả trúng cử chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cao su Tây Ninh nhiệm kỳ 2022-2027	100%
8	667/NQHĐQT-CSTN	15/7/2022	Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc thanh toán cổ tức đợt 2 năm 2021	100%
9	675A/QĐ-CSTN	19/7/2022	Phê duyệt chọn đơn vị cung cấp dịch soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022	100%
10	695/NQHĐQT-CSTN	27/7/2022	Nghị quyết v/v Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2022, ước thực hiện một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2022	100%
11	705/NQHĐQT-CSTN	28/7/2022	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	100%
12	819/NQHĐQT-CSTN	08/9/2022	Giao/ủy quyền cho Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện hợp đồng/giao dịch với các bên liên quan theo luật định trong năm 2022	100%
13	1009/NQHĐQT-CSTN	11/11/2022	Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2022, ước thực hiện một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2022	100%
14	1053/NQHĐQT-CSTN	28/11/2022	Thanh toán cổ tức đợt 1 năm 2022	100%

#### **Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:**

Thành viên HĐQT độc lập được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty. Thành viên HĐQT độc lập đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT trong năm 2022.

Kết hợp với Ban kiểm soát tiếp tục duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

#### **Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản**



**trị công ty:**

Hiện tại, HĐQT Công ty có 2 thành viên đã có chứng chỉ về Quản trị công ty đại chúng là ông Lê Văn Chánh và ông Nguyễn Thái Bình.

Năm 2023, Công ty sẽ lập kế hoạch cho các thành viên HĐQT, các thành viên chưa có chứng chỉ sẽ tham gia các khóa đào tạo để hoàn chỉnh các yêu cầu quản trị công ty đại chúng.

**2. Ban kiểm soát:****a. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:**

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Bà Đặng Thị Bông	Trưởng Ban	10/06/2022	Cử nhân kế toán
2	Ông Đỗ Phú Hồng Quân	Thành viên	23/09/2022	Cử nhân kế toán, kiểm toán
3	Bà Khúc Thị Mỹ Trinh	Thành viên	15/4/2016	Cử nhân kế toán

Ban kiểm soát Công ty CP Cao su Tây Ninh nhiệm kỳ 2022-2027 gồm có 3 thành viên, Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã thực hiện 03 kỳ họp, số lượng thành viên Ban kiểm soát tham dự họp là 03 người đạt 100%.

**b. Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát Công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ hoạt động của Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty. Trong năm 2022, Ban kiểm soát Công ty đã thực hiện kiểm tra, giám sát theo các nội dung chính như sau:

- Giám sát việc triển khai thực hiện Điều lệ công ty, việc ban hành và tổ chức thực hiện các quy chế, quy định và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị công ty, và các quy định của pháp luật;

- Xem xét tính phù hợp các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý, điều hành;

- Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, chỉ đạo và triển khai hoạt động của Hội đồng quản trị cũng như việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Tổng giám đốc điều hành.

- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022.

- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2021, báo cáo tài chính bán niên năm 2022;

- Giám sát tình hình thực hiện đầu tư dự án tại Công ty Tây Ninh Siêm Riệp PTCS.

- Giám sát kế hoạch tài chính, kế hoạch đầu tư và việc thực hiện kế hoạch tài chính, các hoạt động đầu tư tài chính, tình hình đầu tư mua sắm tài sản cố định, trồng mới tái canh, sử dụng phân bón năm 2022, thực hiện suất đầu tư.

- Tham dự các phiên họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban hàng tháng của Công ty



để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư. Qua đó, tham gia đóng góp ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.

**Kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát năm 2022:**

*\* Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành và cổ đông:*

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất để giải quyết các sự việc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị ban hành đúng với chức năng và quyền hạn của Hội đồng quản trị, nội dung phù hợp với chủ trương và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Hội đồng quản trị đã triệu tập và tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (ngày 10/06/2022) và Đại hội cổ đông bất thường (ngày 23/09/2022) theo đúng Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật.

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và tuân thủ các quy định của pháp luật.

- Ban Tổng giám đốc tổ chức các cuộc họp giao ban hàng tuần, hàng tháng, hàng quý hoặc đột xuất để đánh giá kết quả triển khai các hoạt động được giao. Các hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ hàng ngày đều được tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 các chỉ tiêu đều vượt so với kế hoạch đề ra.

- Công ty đã thực hiện tốt việc công bố thông tin theo đúng các quy định hiện hành.

*\* Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:*

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ, đơn vị trực thuộc trong Công ty để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị, các cuộc họp giao ban hàng tháng của Công ty để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư. Qua đó, tham gia đóng góp ý kiến, đưa ra các kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.

**Phương hướng nhiệm vụ năm 2023:**

Triển khai nhiệm vụ công tác của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty. Kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2023 gồm các nội dung chính như sau:

- Giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

- Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty.

- Kiểm tra, giá sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023 của Công ty.

- Giám sát các vấn đề khác khi cần thiết.



### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát:

#### a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

STT	Họ và Tên	Chức danh	Lương/ Thù lao	Tiền thưởng	Tổng cộng
<b>Hội đồng quản trị</b>					
1	Ông Phạm Văn Hồi Em	Chủ tịch	52.164.050	4.347.004	56.511.054
2	Ông Phạm Thanh Hòa	Chủ tịch	220.694.056	18.391.171	239.085.227
2	Ông Lê Văn Chành	Thành viên-TGD	451.419.666	37.618.306	489.037.972
3	Ông Trương Văn Minh	Thành viên- P.TGD	398.127.066	33.177.256	431.304.322
4	Ông Nguyễn Thái Bình	Thành viên	406.277.696	33.856.475	440.134.171
5	Ông Võ Trần Minh Đặng	Thành viên	190.541.696	1.253.943	191.795.639
6	Phan Quốc Khải	Thành viên	44.013.417	3.667.785	47.681.202
<b>Ban Tổng giám đốc</b>					
1	Ông Nguyễn Hồng Thái	Phó TGD	391.230.378	32.602.532	423.832.910
2	Bà Trần Thị Tố Anh	Kế toán trưởng	361.135.728	30.094.644	391.230.372
<b>Ban kiểm soát</b>					
1	Bà Đặng Thị Bông	Trưởng ban	176.415.186	16.301.266	192.716.452
2	Bà Đỗ Thị Thanh Vân	Trưởng ban	184.720.542	13.793.379	198.513.921
3	Bà Khúc Thị Mỹ Trinh	Thành viên	152.526.821	6.018.929	158.545.750
4	Ông Đỗ Phú Hồng Quân	Thành viên	21.066.251	1.755.521	22.821.772
5	Ông Bùi Thanh Tâm	Thành viên	36.113.573	3.009.464	39.123.037

#### b. Giao dịch cổ phiếu của Cổ đông nội bộ: Không có.

#### c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam – Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	NQ số 1189/NQHĐQT-CSTN ngày 19/11/2021	Cổ tức đã trả đợt 1/2021: 18.000.000.000 đồng
			NQ số 667/NQHĐQT-CSTN ngày 15/7/2022	Cổ tức đã trả đợt 2/2021: 16.200.000.000 đồng
			NQ số 1053/NQHĐQT-CSTN ngày 28/11/2022	Cổ tức phải trả đợt 1/2022:



STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHCĐ/ HĐQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
				18.000.000.000 đồng
			NQ số 819/NQHĐQT-CSTN ngày 08/09/2022	Doanh thu bán mù cao su: 14.464.715.172 đồng
2	Công ty Tây Ninh Siêm Riệp Phát triển cao su	Công ty con	NQ số 819/NQHĐQT-CSTN ngày 08/09/2022	Góp vốn kinh doanh: 20.999.700.000 đồng
			NQ số 819/NQHĐQT-CSTN ngày 08/09/2022	Tạm ứng mua mù cao su: 26.705.047.500 đồng
3	Công ty Cổ Phần Chế biến XNK Gỗ Tây Ninh	Công ty liên kết	NQ số: 41/NQĐHCĐ-GOTN ngày 05/04/2022 của Công ty CP Chế biến XNK Gỗ Tây Ninh	Nhận tiền cổ tức: 1.470.000.000 đồng
			NQ số 819/NQHĐQT-CSTN ngày 08/09/2022	Doanh thu vận chuyển nhiên liệu: 162.128.789 đồng
			NQ số 819/NQHĐQT-CSTN ngày 08/09/2022	Doanh thu bán cao su thanh lý, gãy đổ: 14.799.660.940 đồng
4	Công ty CPTM DV và Du lịch Cao su	Đơn vị trực thuộc cùng Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	NQ số 819/NQHĐQT-CSTN ngày 08/09/2022	Mua mù cao su : 8.609.126.400 đồng
5	Viện nghiên cứu Cao su Việt Nam	Đơn vị trực thuộc cùng Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	NQ số 819/NQHĐQT-CSTN ngày 08/09/2022	Mua thuốc nông nghiệp, dịch vụ: 1.868.034.736 đồng
6	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An	Đơn vị trực thuộc cùng Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	NQ số 819/NQHĐQT-CSTN ngày 08/09/2022	Doanh thu bán cao su thanh lý: 3.676.834.261 đồng
7	Tạp chí Cao su Việt Nam	Đơn vị trực thuộc cùng Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	NQ số 819/NQHĐQT-CSTN ngày 08/09/2022	Mua tem, dịch vụ quảng cáo: 366.300.000 đồng
8	Công ty Cổ phần Cao su Lai Châu	Đơn vị trực thuộc cùng Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	NQ số 819/NQHĐQT-CSTN ngày 08/09/2022	Doanh thu gia công mù cao su: 5.739.388.666 đồng
			NQ số 819/NQHĐQT-CSTN ngày 08/09/2022	Doanh thu thay dẫn tem: 11.340.000 đồng
			NQ số 819/NQHĐQT-CSTN ngày 08/09/2022	Doanh thu bốc xếp mù cao su nguyên liệu: 164.882.960 đồng
			NQ số 819/NQHĐQT-CSTN ngày 08/09/2022	Mua mù cao su: 6.568.934.400 đồng
9	Công ty Cổ phần Cao su Lai Châu II	Đơn vị trực thuộc cùng Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	NQ số 819/NQHĐQT-CSTN ngày 08/09/2022	Doanh thu gia công mù cao su: 5.361.703.667 đồng
			NQ số 819/NQHĐQT-CSTN ngày 08/09/2022	Doanh thu thay dẫn tem: 7.308.000 đồng



STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
			NQ số 819/NQHĐQT-CSTN ngày 08/09/2022	Doanh thu bóc xếp mù cao su nguyên liệu: 214.131.930 đồng
10	Công ty CP ĐTPT Cao Su Nghệ An	Đơn vị trực thuộc cùng Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	NQ số 819/NQHĐQT-CSTN ngày 08/09/2022	Doanh thu bóc xếp mù cao su nguyên liệu: 24.812.200 đồng
11	Công ty TNHH MTV Tổng Cty Cao Su Đồng Nai	Đơn vị trực thuộc cùng Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	NQ số 819/NQHĐQT-CSTN ngày 08/09/2022	Doanh thu gia công mù cao su: 65.603.674 đồng
12	Công ty CP Cao Su Bến Thành	Đơn vị trực thuộc cùng Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	NQ số 819/NQHĐQT-CSTN ngày 08/09/2022	Mua vỏ xe: 134.970.00 đồng
13	Công ty CP Cơ Khí Cao Su	Đơn vị trực thuộc cùng Tập đoàn CN Cao su Việt Nam	NQ số 819/NQHĐQT-CSTN ngày 08/09/2022	Mua phụ tùng, dịch vụ sửa chữa: 591.725.000 đồng
14	Công ty CP Cao su Việt Lào	Công ty có vốn góp của công ty CP Cao su Tây Ninh	NQ số: 03/2022/NQ-ĐHĐCĐ-CSVL ngày 02/12/2022 của Công ty CP Cao su Việt Lào	Nhận tiền cổ tức: 9.664.308.444 đồng

#### d. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác:

Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo):

1. Công ty CPCB XNK Gỗ Tây Ninh	Công ty liên kết - Thành viên HĐQT Công ty là Chủ tịch HĐQT Công ty CPCB XNK Gỗ Tây Ninh	Bán cây cao su thanh lý Bán cây cao su gãy đổ Cung cấp dịch vụ vận chuyển nhiên liệu Nhận cổ tức góp vốn
2. Công ty CPTM DV và Du lịch Cao su	Công ty có vốn góp của Công ty CP Cao su Tây Ninh - Thành viên HĐQT Công ty là Thành viên HĐQT Công ty CPTM DV và Du lịch Cao su	Mua mù cao su
3. Công ty CPCS Việt Lào	Công ty có vốn góp của Công ty CP Cao su Tây Ninh - Thành viên HĐQT Công ty là Thành viên HĐQT Công ty CPCS Việt Lào	Nhận cổ tức góp vốn
4. Tập đoàn CNCS Việt Nam	Tập đoàn CNCS Việt Nam nắm giữ 60% cổ phần Công ty	Trả cổ tức/ bán mù cao su
5. Công ty Tây Ninh Siêm Riệp Phát triển cao su	Công ty con của Công ty CP Cao su Tây Ninh - Thành viên HĐQT Công ty là Chủ tịch của Công ty Tây Ninh Siêm Riệp PTCS	Góp vốn/ mua mù cao su



**e. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:**

Đối với công tác quan hệ cổ đông: Hội đồng quản trị Công ty đã làm việc và tiếp xúc trực tiếp với các cổ đông hoặc thông qua các quỹ đầu tư, các công ty chứng khoán về tình hình hoạt động của Công ty, chia cổ tức và các thông tin có liên quan đến cổ đông Công ty. Hoạt động của Ban quan hệ cổ đông được các nhà đầu tư trong và ngoài nước đánh giá cao.

Hoạt động công bố thông tin và tương tác với cổ đông là vô cùng cần thiết. Vì vậy, bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty luôn theo sát và duy trì mối quan hệ với các cổ đông. Duy trì một kênh thông tin tương tác giữa Công ty và cổ đông là một nhiệm vụ được công ty chú trọng trong các năm qua. Công ty thường xuyên cập nhật các thông tin quan trọng và liên quan đến hoạt động của công ty quý nhà đầu tư có thể theo dõi chi tiết tại địa chỉ website công ty: <http://www.taniruco.com.vn/>. Công ty luôn cố gắng đổi mới và thúc đẩy kênh đối thoại với các cổ đông thông qua Bộ phận công bố thông tin nhằm tiếp sức cho Ban điều hành trong công tác điều hành và quản trị công ty.

Tình hình tìm kiếm nhân sự để thành lập Ban kiểm toán nội bộ gặp nhiều khó khăn do nhân sự chủ yếu đủ tiêu chuẩn đã được bố trí vào các vị trí trọng yếu, khối lượng công việc lớn, khó kiêm nhiệm. Do đó, Công ty chưa thể thành lập Ban kiểm toán nội bộ. Tuy nhiên, trong năm 2022, Công ty đã ban hành Quyết định số 1147/QĐ-CSTN ngày 22/12/2022, phê duyệt đơn vị cung cấp dịch vụ Kiểm toán nội bộ năm 2022 là: Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá quốc tế - chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện.

Nhìn chung trong năm qua, Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã thực hiện tốt công tác quản trị công ty, thường xuyên phản ứng kịp thời và đầy đủ trước các vấn đề phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2022.

**VI. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022: (Đính kèm)****Nơi nhận:**

- Sở GD&ĐT Tp.Hồ Chí Minh;
- HĐQT, BKS;
- Người CBTT;
- Website Công ty;
- Lưu: Văn thư.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Lê Văn Chành**



## **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	1 - 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4 - 5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 50



# CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH

Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký lần đầu số 3900242776 ngày 28/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 16/12/2021 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 300.000.000.000 VND; Tổng số cổ phần là 30.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/01 cổ phần.

### 2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm
Ông Phạm Văn Hồi Em	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 10/06/2022
Ông Phạm Thanh Hòa	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 10/06/2022
Ông Lê Văn Chành	Thành viên	
Ông Phan Quốc Khải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10/06/2022
Ông Trương Văn Minh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10/06/2022
Ông Nguyễn Thái Bình	Thành viên	
Ông Võ Trần Minh Đăng	Thành viên	

#### Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm
Bà Đặng Thị Bông	Trưởng ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 10/06/2022
Bà Đỗ Thị Thanh Vân	Trưởng ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 10/06/2022
Ông Bùi Thanh Tâm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23/09/2022
Bà Khúc Thị Mỹ Trinh	Thành viên	
Ông Đỗ Phú Hồng Quân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23/09/2022

#### Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Văn Chành	Tổng Giám đốc
Ông Trương Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Thái	Phó Tổng Giám đốc

#### Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau: Ông Lê Văn Chành - Tổng Giám đốc (sinh ngày 01/01/1963; Dân tộc Kinh, Quốc tịch Việt Nam; Thẻ căn cước công dân số 072063005529 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 31/08/2021; Địa chỉ thường trú: ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh).

### 3. Đánh giá tình hình kinh doanh hợp nhất

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tình hình tài chính hợp nhất vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

**6. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

**7. Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH**

Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

---

**8. Cam kết về công bố thông tin**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thầy mặt Ban Tổng Giám đốc, 



---

**Lê Văn Chành**

**Tổng Giám đốc**

Tây Ninh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 03 năm 2023





Số: 053/2023/BCKTHN-PB.00309

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 50, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.







**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH**

Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 01 - DN/HN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>376.936.325.375</b>	<b>396.556.458.665</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>75.880.668.132</b>	<b>112.634.862.121</b>
1. Tiền	111		75.880.668.132	42.075.952.534
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	70.558.909.587
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>193.786.683.600</b>	<b>181.632.524.179</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	9.228.735.517	392.743.837
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	174.314.926.054	170.499.425.783
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	10.383.165.756	13.265.498.286
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(140.143.727)	(2.525.143.727)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>63.197.176.523</b>	<b>69.900.026.712</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.6	63.197.176.523	69.900.026.712
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>44.071.797.120</b>	<b>32.389.045.653</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	89.976.070	136.514.400
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		34.740.766.570	32.155.926.664
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.8	9.241.054.480	96.604.589
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.605.738.243.475</b>	<b>1.577.663.580.771</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.779.160.000</b>	<b>1.745.420.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	1.779.160.000	1.745.420.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>763.720.763.629</b>	<b>481.827.037.789</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	762.411.053.466	480.485.894.586
- Nguyên giá	222		1.093.984.973.614	776.944.615.199
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(331.573.920.148)	(296.458.720.613)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	1.309.710.163	1.341.143.203
- Nguyên giá	228		3.320.358.415	3.306.446.415
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.010.648.252)	(1.965.303.212)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>668.485.795.164</b>	<b>919.415.089.568</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	668.485.795.164	919.415.089.568
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.12	<b>168.715.910.616</b>	<b>170.232.449.378</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		36.278.890.375	37.873.479.545
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		140.773.020.950	140.773.020.950
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(8.336.000.709)	(8.414.051.117)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.036.614.066</b>	<b>4.443.584.036</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	3.036.614.066	4.443.584.036
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.982.674.568.850</b>	<b>1.974.220.039.436</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH**

Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 01 - DN/HN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>404.716.060.394</b>	<b>413.719.638.745</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>201.267.933.925</b>	<b>180.782.721.431</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	11.163.878.980	12.986.353.797
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	8.552.486.096	10.574.311.633
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.8	5.654.068.081	6.314.020.145
4. Phải trả người lao động	314		44.191.760.407	49.842.108.298
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	10.987.974.073	6.263.843.363
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	30.349.259.400	31.848.124.573
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	48.823.217.680	32.935.851.290
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		41.545.289.208	30.018.108.332
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>203.448.126.469</b>	<b>232.936.917.314</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	203.448.126.469	232.936.917.314
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.577.958.508.456</b>	<b>1.560.500.400.691</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.18	<b>1.577.958.508.456</b>	<b>1.560.500.400.691</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(43.777.986.793)	(43.777.986.793)
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		75.836.757.176	43.839.887.955
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.201.437.710.289	1.181.015.854.624
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		44.462.027.784	79.422.644.905
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	11.329.699.285
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		44.462.027.784	68.092.945.620
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.982.674.568.850</b>	<b>1.974.220.039.436</b>



Người lập biểu

Ngô Long Phi

Tây Ninh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 03 năm 2023



Kế toán trưởng

Trần Thị Tố Anh



Tổng Giám đốc

Lê Văn Chành



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH**

Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 02 - DN/HN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	523.464.064.910	417.464.154.290
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>523.464.064.910</b>	<b>417.464.154.290</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	416.960.013.340	318.660.573.789
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>106.504.051.570</b>	<b>98.803.580.501</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	8.340.365.287	16.464.999.249
7. Chi phí tài chính	22	6.4	12.520.683.233	6.812.004.174
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		12.126.514.133	6.281.486.297
8. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(190.131.570)	341.216.201
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	7.237.484.979	4.246.282.657
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	33.105.173.219	32.709.821.963
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>61.790.943.856</b>	<b>71.841.687.157</b>
12. Thu nhập khác	31	6.7	29.321.735.645	48.532.433.418
13. Chi phí khác	32	6.8	2.438.272.589	7.116.886.423
<b>14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>26.883.463.056</b>	<b>41.415.546.995</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>88.674.406.912</b>	<b>113.257.234.152</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	13.682.921.528	16.039.288.532
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>18. Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>74.991.485.384</b>	<b>97.217.945.620</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		74.991.485.384	97.217.945.620
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	1.821	2.225
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.10	1.821	2.225

Người lập biểu

Ngô Long Phi

Tây Ninh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 03 năm 2023

Kế toán trưởng

Trần Thị Tố Anh



Tổng Giám đốc

Lê Văn Chánh







**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH**

Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN/HN

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3900242776 đăng ký lần đầu ngày 28/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 16/12/2021 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 300.000.000.000 VND (Ba trăm tỷ đồng); Tổng số cổ phần là 30.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/01 cổ phần.

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là trồng, khai thác, chế biến các sản phẩm từ mủ cao su.

**1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm: Trồng cây cao su; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Các mặt hàng lưu niệm); Sản xuất bao bì bằng gỗ (Đóng pallet); Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (Dịch vụ rửa xe); Bán buôn tổng hợp (Bán buôn vật tư tổng hợp); Xây dựng nhà các loại (Xây lắp công trình dân dụng, công nghiệp); Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Mua bán xăng, dầu, nhớt mỡ); Xây dựng công trình công ích (Các công trình thể thao, công trình thủy lợi); Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ (Cửa, xẻ gỗ cao su); Chuẩn bị mặt bằng (San lấp mặt bằng); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Tổ chức bán đấu giá tài sản); Thoát nước và xử lý nước thải (Hệ thống thoát nước, xử lý nước thải); Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Công nghiệp hóa chất, phân bón và cao su); Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Kinh doanh nhà đất); Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch (Chế biến cao su nguyên liệu); Trồng rừng và chăm sóc rừng (Chăm sóc cây cao su); Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Kiểm nghiệm cao su cốm SVR các loại và cao su ly tâm theo TCVN); Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (Thi công xây dựng công trình giao thông); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh bình quân của ngành, lĩnh vực là 12 tháng.

**1.5 Cấu trúc của Công ty****Các Công ty con**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Tây Ninh Siêm Riệp - Phát triển Cao su	Vương quốc Campuchia	Trồng, khai thác và chế biến sản phẩm từ cao su	100,00%	100,00%



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH**

Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Mẫu số B 09 - DN/HN****Các Công ty liên doanh, liên kết và đầu tư dài hạn khác**

<b>Tên công ty</b>	<b>Địa chỉ trụ sở chính</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích</b>
Công ty Cổ phần Chế biến XNK Gỗ Tây Ninh	Tỉnh Tây Ninh	Chế biến gỗ, xuất nhập khẩu gỗ	49,00%	49,00%
Công ty Cổ phần Cao su Việt Lào	Thành lập tại TP. Hồ Chí Minh, Hoạt động tại Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào	Khai hoang, trồng rừng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su	10,00%	10,00%
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Du lịch Cao su	Tỉnh Quảng Ninh	Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại cao su, nông, lâm, thủy sản; thực hiện các dự án xây dựng khách sạn, resort; kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế và nội địa	2,34%	2,34%
Công ty Cổ phần Phát triển KCN Cao su Việt Nam	Tỉnh Hải Dương	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và kinh doanh Khu công nghiệp	6,82%	6,82%
Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	Trồng, khai thác và chế biến sản phẩm từ cao su	17,56%	17,56%

**Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:**

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
Cơ quan Công ty	Xã Hiệp Thạnh - huyện Gò Dầu - tỉnh Tây Ninh
Xí nghiệp Cơ khí Chế biến Nông trường Cao su Gò Dầu	Xã Hiệp Thạnh - huyện Gò Dầu - tỉnh Tây Ninh
Nông trường Cao su Cầu Khởi	Xã Thạnh Đức - huyện Gò Dầu - tỉnh Tây Ninh
Nông trường Cao su Bến Củi	Xã Cầu Khởi - huyện Dương Minh Châu - tỉnh Tây Ninh
Xí nghiệp Kinh doanh dịch vụ Trung tâm Y tế	Xã Bến Củi - huyện Dương Minh Châu - tỉnh Tây Ninh
	Xã Hiệp Thạnh - huyện Gò Dầu - tỉnh Tây Ninh
	Xã Thạnh Đức - huyện Gò Dầu - tỉnh Tây Ninh

**1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bởi Công ty đảm bảo tính so sánh thông tin.

**1.7 Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng số nhân viên của Công ty là 1.304 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 1.334 người).

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.



**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đã áp dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty ty liên kết. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày theo hướng dẫn tại Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty con do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính của các Công ty con được lập cho cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của Công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

**4.2 Nguyên tắc chuyển đổi báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam**

Báo cáo tài chính của Công ty con lập bằng đồng Đôla Mỹ được chuyển đổi theo Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam tại ngày 31/12/2022. Trong đó:

- Các khoản mục tài sản được chuyển đổi theo tỷ giá mua ngoại tệ và nợ phải trả được chuyển đổi theo tỷ giá bán ngoại tệ do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn công bố tại thời điểm ngày 31/12/2022 lần lượt là 23.410 VND/USD và 23.710 VND/USD.
- Các khoản mục về doanh thu, thu nhập khác và chi phí được chuyển quy đổi sang Việt Nam đồng theo tỷ giá bình quân VND/USD từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn là 23.442 VND/USD.



- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh khi chuyển đổi sang đồng Việt Nam (VND) được phân loại như là vốn chủ sở hữu của Công ty và phản ánh trên chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ được ghi nhận vào kết quả kinh doanh của Công ty khi Công ty kết thúc quá trình đầu tư xây dựng hoặc khi Công ty chấm dứt hoạt động, thanh lý.

Các chỉ tiêu thuộc vốn đầu tư của chủ sở hữu chuyển đổi theo đúng tỷ giá ghi sổ kế toán của Công ty mẹ

#### **4.3 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
  - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
  - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

#### **4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **4.5 Các khoản đầu tư tài chính**

##### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo



hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### **Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết**

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Tập đoàn nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp hợp nhất. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập vào thời điểm cuối năm. Mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

#### **Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### **4.6 Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:



- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### **4.7 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### **4.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

##### **Chi phí sửa chữa tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

#### **4.9 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH**

Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Mẫu số B 09 - DN/HN**

chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 – 20
Máy móc và thiết bị	05 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

Khấu hao tài sản cố định đối với vườn cây cao su được thực hiện theo Công văn số 1937/BTC-TCDN ngày 09/02/2010 của Cục Tài chính doanh nghiệp - Bộ Tài chính về việc Trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ - CSVN ngày 27/4/2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc Ban hành tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm; cụ thể như sau:

<u>Năm khai thác</u>	<u>Tỷ lệ khấu hao (%)</u>	<u>Năm khai thác</u>	<u>Tỷ lệ khấu hao (%)</u>
Năm thứ 1	2,50	Năm thứ 11	7,00
Năm thứ 2	2,80	Năm thứ 12	6,60
Năm thứ 3	3,50	Năm thứ 13	6,20
Năm thứ 4	4,40	Năm thứ 14	5,90
Năm thứ 5	4,80	Năm thứ 15	5,50
Năm thứ 6	5,40	Năm thứ 16	5,40
Năm thứ 7	5,40	Năm thứ 17	5,00
Năm thứ 8	5,10	Năm thứ 18	5,00
Năm thứ 9	5,10	Năm thứ 19	5,20
Năm thứ 10	5,00		

Mức trích khấu hao từng năm được xác định bằng cách lấy nguyên giá vườn cây cao su nhân với tỷ lệ khấu hao áp dụng cho năm đó.

Mức khấu hao cho năm cuối cùng (năm thứ 20) được xác định bằng giá trị còn lại của vườn cây của năm khai thác cuối cùng.

**4.10 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định vô hình như sau:



<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phần mềm kế toán	05
Quyền sử dụng đất	42

**4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

**4.12 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

**4.13 Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay**

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.



#### **4.14 Vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các chủ sở hữu.

##### ***Cổ phiếu quỹ***

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### ***Quỹ đầu tư phát triển***

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Việc trích lập Quỹ đầu tư phát triển được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

#### **4.15 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

#### **4.16 Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### **Doanh thu gia công**

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

#### **Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

#### **Thu nhập khác**

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

#### **4.17 Giá vốn hàng bán**

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.



#### **4.18 Chi phí tài chính**

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

#### **4.19 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### **4.20 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

#### **4.21 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

##### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.



**4.22 Công cụ tài chính****Tài sản tài chính**

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

**Nợ phải trả tài chính**

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

**Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**4.23 Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	VND	VND
Tiền mặt	2.752.358.658	7.388.228.638
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	73.128.309.474	34.687.723.896
Các khoản tương đương tiền	-	70.558.909.587
<b>Cộng</b>	<b>75.880.668.132</b>	<b>112.634.862.121</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH**

Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN/HN

**5.2. Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>8.884.375.920</b>	-
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	8.884.375.920	-
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>344.359.597</b>	<b>392.743.837</b>
Cửa Hàng xăng dầu	105.980.710	-
Công ty TNHH Trần Ngọc Tâm	140.143.727	140.143.727
Các khách hàng khác	98.235.160	252.600.110
<b>Cộng</b>	<b>9.228.735.517</b>	<b>392.743.837</b>

**5.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Trả trước cho các bên liên quan</b>	<b>645.624.000</b>	-
Công ty Cổ Phần ĐTPT Cao Su Nghệ An	645.624.000	-
<b>Trả trước cho người bán khác</b>	<b>173.343.410.073</b>	<b>170.146.963.338</b>
Công ty Phát triển Đông Bắc Campuchia Nguyễn Văn Nghĩa	297.000.000	305.000.000
Công ty TNHH Xây Dựng & MT Lê Nguyên	123.120.000	-
Công ty TNHH XD&XNK Ngân Huy Hoàng	356.393.840	345.128.081
Công ty TNHH Best Royal (i)	171.420.170.024	165.860.357.549
Envirotech Service Co., Ltd	1.146.726.209	1.110.477.708
Công ty TNHH Nông Lâm Green	-	141.000.000
Trả trước cho đối tượng khác	325.891.981	352.462.445
<b>Cộng</b>	<b>174.314.926.054</b>	<b>170.499.425.783</b>

(i) Khoản tạm ứng cho Công ty TNHH Best Royal theo hợp đồng số 30/2015/HDKT-TNSR và hợp đồng số 31/2015/HDKT-TNSR về việc sang nhượng đất sạch trồng cao su năm 2013, 2014, 2015 giữa Công ty TNHH Phát triển cao su Tây Ninh - Siêm Riệp (Bên A) và Công ty Best Royal (Bên B). Theo các điều khoản trong hợp đồng, hai bên thống nhất rằng bên B sẽ chuyển nhượng dự án Best Royal theo hình thức bên A sẽ mua lại toàn bộ quyền sở hữu của Công ty Best Royal. Tuy nhiên, hiện nay bên B đang hoàn thiện các thủ tục chuyển quyền sở hữu theo các quy định của Luật pháp Vương quốc Campuchia.

Tổng giá trị tạm ứng đến hết ngày 31/12/2022 là : 7.322.519,01 USD tương đương 171.420.170.024 đồng (trong đó: Tổng giá trị tạm ứng theo Hợp đồng số 31/2015/HDKT-TNSR đến hết ngày 31/12/2022 là 4.278.210,00 USD tương đương 100.152.896.100 VND, tương ứng với 89,17% giá trị hợp đồng; Tổng giá trị tạm ứng theo Hợp đồng số 30/2015/HDKT-TNSR đến hết ngày 31/12/2022 là 3.044.309,01 USD tương đương 71.267.273.924 VND, tương ứng với 91,64% giá trị hợp đồng).



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH**

Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN/HN

**5.4. Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác****5.4.1. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	-	-	<b>5.425.000.000</b>	-
Công ty Cổ Phần Cao Su Việt Lào - Phải thu tiền cổ tức	-	-	5.425.000.000	-
	-	-	-	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>10.383.165.756</b>	-	<b>7.840.498.286</b>	-
Tạm ứng	248.779.470	-	105.038.733	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	-	-
Phải thu lãi tiền gửi NH	-	-	64.302.670	-
Phải thu thuế TNCN	4.816.905.161	-	2.874.830.216	-
Phải thu về thuế chi hộ Công ty Best Royal	3.613.698.228	-	3.284.102.699	-
Các khoản chi hộ khác	2.102.651	-	1.185.781	-
Công ty TNHH Thành Thành Công	1.102.483.000	-	923.005.388	-
Phải thu đối tượng khác	599.197.246	-	588.032.799	-
<b>Cộng</b>	<b>10.383.165.756</b>	-	<b>13.265.498.286</b>	-

**5.4.2. Phải thu dài hạn khác**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	-	-	-	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>1.779.160.000</b>	-	<b>1.745.420.000</b>	-
Tạm ứng	-	-	-	-
Ký quỹ, ký cược	1.779.160.000	-	1.745.420.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.779.160.000</b>	-	<b>1.745.420.000</b>	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH**

Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN/HN

**5.5. Nợ xấu**

	<b>31/12/2022</b>		<b>01/01/2022</b>			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Các bên liên quan</b>		-	-		-	-
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>		<b>140.143.727</b>	<b>(140.143.727)</b>		<b>2.525.143.727</b>	<b>(2.525.143.727)</b>
Công ty Phát triển Đông Bắc Campuchia		-	-	Trên 3 năm	2.385.000.000	(2.385.000.000)
Công ty TNHH Trần Ngọc Tâm	Trên 3 năm	140.143.727	(140.143.727)	Trên 3 năm	140.143.727	(140.143.727)
<b>Cộng</b>		<b>140.143.727</b>	<b>(140.143.727)</b>		<b>2.525.143.727</b>	<b>(2.525.143.727)</b>

**5.6. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2022</b>		<b>01/01/2022</b>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	12.249.413.519	-	11.086.351.181	-
Công cụ, dụng cụ trong kho	5.679.598.691	-	3.623.449.977	-
Chi phí SXKD dở dang	3.413.884.748	-	1.234.281.471	-
Thành phẩm tồn kho	41.234.370.720	-	41.603.931.999	-
Hàng hóa tồn kho	483.879.890	-	1.348.010.860	-
Hàng gửi đi bán	136.028.955	-	11.004.001.224	-
<b>Cộng</b>	<b>63.197.176.523</b>	<b>-</b>	<b>69.900.026.712</b>	<b>-</b>

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 VND.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH**

Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN/HN

**5.7. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn****5.7.1. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí khác chờ phân bổ	89.976.070	136.514.400
<b>Cộng</b>	<b>89.976.070</b>	<b>136.514.400</b>

**5.7.2. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	549.053.926	86.208.011
Chi phí CCDC vườn cây kinh doanh	1.707.894.576	3.707.697.996
Chi phí trả trước khác	779.665.564	649.678.029
<b>Cộng</b>	<b>3.036.614.066</b>	<b>4.443.584.036</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH**

Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN/HN

**5.8. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	01/01/2022		Phát sinh trong năm			31/12/2022	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	chuyển đổi BCTC VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế tài nguyên	14.432.000	-	127.178.880	126.474.880		15.136.000	-
Thuế giá trị gia tăng	1.380.541.696	-	11.944.181.422	12.269.666.807		1.055.056.311	-
Thuế thu nhập cá nhân	366.020.620	-	6.417.429.306	6.570.282.646	6.675.896	219.843.176	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.437.536.519	-	13.682.921.528	13.878.389.693		4.242.068.354	-
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	-	908.796.409	908.796.409		-	-
Thuế môn bài	-	-	7.000.000	7.000.000		-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	96.604.589	21.337.049.744	30.481.499.635		-	9.241.054.480
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	20.585.705	20.585.705		-	-
Các loại thuế khác	115.489.310	-	473.381.568	470.967.042	4.060.404	121.964.240	-
<b>Cộng</b>	<b>6.314.020.145</b>	<b>96.604.589</b>	<b>54.918.524.562</b>	<b>64.733.662.817</b>	<b>10.736.300</b>	<b>5.654.068.081</b>	<b>9.241.054.480</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH**

Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN/HN

**5.9. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Vườn cây kinh doanh VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2022	139.295.447.048	102.802.274.260	42.217.842.618	7.056.159.728	485.572.891.545	776.944.615.199
- Đầu tư XDCB hoàn thành	2.838.826.200	-	-	-	312.124.810.159	314.963.636.359
- Tăng/Giảm do chuyển đổi báo cáo tài chính	1.808.252.673	165.680.420	308.562.025	14.218.657	8.081.077.050	10.377.790.825
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	(8.301.068.769)	(8.301.068.769)
Số dư tại ngày 31/12/2022	<u>143.942.525.921</u>	<u>102.967.954.680</u>	<u>42.526.404.643</u>	<u>7.070.378.385</u>	<u>797.477.709.985</u>	<u>1.093.984.973.614</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2022	97.132.975.804	83.830.903.862	36.707.645.201	6.598.111.067	72.189.084.679	296.458.720.613
- Khấu hao trong năm	5.369.433.242	5.116.331.850	1.042.416.430	106.406.738	27.135.682.105	38.770.270.365
- Tăng/Giảm do chuyển đổi báo cáo tài chính	1.180.684.597	163.509.201	276.506.882	14.197.085	314.591.530	1.949.489.295
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	(5.604.560.125)	(5.604.560.125)
Số dư tại ngày 31/12/2022	<u>103.683.093.643</u>	<u>89.110.744.913</u>	<u>38.026.568.513</u>	<u>6.718.714.890</u>	<u>94.034.798.189</u>	<u>331.573.920.148</u>
<b>Giá trị còn lại</b>						
- Tại ngày 01/01/2022	42.162.471.244	18.971.370.398	5.510.197.417	458.048.661	413.383.806.866	480.485.894.586
- Tại ngày 31/12/2022	<u>40.259.432.278</u>	<u>13.857.209.767</u>	<u>4.499.836.130</u>	<u>351.663.495</u>	<u>703.442.911.796</u>	<u>762.411.053.466</u>
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:						
- Tại ngày 01/01/2022	54.179.505.543	39.938.672.048	29.848.689.821	4.911.206.005	5.152.784.036	134.030.857.453
- Tại ngày 31/12/2022	<u>62.159.969.559</u>	<u>41.423.486.473</u>	<u>28.370.612.642</u>	<u>5.768.896.752</u>	-	<u>137.722.965.426</u>

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 179.647.408.476 đồng



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH**

Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN/HN

**5.10. Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư tại ngày 01/01/2022	1.760.250.415	1.546.196.000	3.306.446.415
- Tăng/Giảm do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	13.912.000	13.912.000
Số dư tại ngày 31/12/2022	<u>1.760.250.415</u>	<u>1.560.108.000</u>	<u>3.320.358.415</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư tại ngày 01/01/2022	419.107.212	1.546.196.000	1.965.303.212
- Khấu hao trong năm	31.433.040	-	31.433.040
- Tăng/Giảm do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	13.912.000	13.912.000
Số dư tại ngày 31/12/2022	<u>450.540.252</u>	<u>1.560.108.000</u>	<u>2.010.648.252</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
- Tại ngày 01/01/2022	1.341.143.203	-	1.341.143.203
- Tại ngày 31/12/2022	<u>1.309.710.163</u>	-	<u>1.309.710.163</u>
Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:			
- Tại ngày 01/01/2022	-	1.546.196.000	1.546.196.000
- Tại ngày 31/12/2022	-	<u>1.560.108.000</u>	<u>1.560.108.000</u>

**5.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>Vườn cây kiến thiết cơ bản</b>	<b>592.518.113.489</b>	<b>844.884.305.205</b>
Vườn cây kiến thiết cơ bản tại Việt Nam	139.334.642.460	141.918.085.248
Vườn cây kiến thiết cơ bản tại Campuchia	453.183.471.029	702.966.219.957
<b>Chi phí đầu tư các công trình xây dựng</b>	<b>75.967.681.675</b>	<b>74.530.784.363</b>
Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản tại Việt Nam	8.420.695.922	9.118.987.394
Tiền thuê đất vườn cây tái canh, KTCB 2014-2021	8.147.078.924	8.846.260.121
Tư vấn Lập DAĐT tái canh cao su giai đoạn: 2021-2025	200.871.776	272.727.273
Phân hạng đất trồng tái canh năm 2022, 2023	72.745.222	-
Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản tại Campuchia	67.546.985.753	65.411.796.969
Chi phí chung vượt dự toán	66.223.618.453	64.130.261.869
Chi phí XD CB khác	1.323.367.300	1.281.535.100
<b>Cộng</b>	<b><u>668.485.795.164</u></b>	<b><u>919.415.089.568</u></b>







**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH**

Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN/HN

**5.13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<b>31/12/2022</b>		<b>01/01/2022</b>	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b><i>Phải trả các bên liên quan</i></b>	<b>1.270.847.500</b>	<b>1.270.847.500</b>	-	-
Công ty Cổ Phần Cơ Khí Cao Su	650.507.500	650.507.500	-	-
Viện Nghiên Cứu Cao Su Việt Nam	620.340.000	620.340.000	-	-
<b><i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i></b>	<b>9.893.031.480</b>	<b>9.893.031.480</b>	<b>12.986.353.797</b>	<b>12.986.353.797</b>
Công ty CP F.A	252.777.460	252.777.460	496.007.091	496.007.091
Công Ty TNHH XD Hoàng Phương	52.690.000	52.690.000	297.010.000	297.010.000
Công ty TNHH SX TM Trường Nghi	312.224.000	312.224.000	296.246.500	296.246.500
Công ty TNHH ĐT- XD Thiên Hải	349.702.000	349.702.000	523.086.000	523.086.000
Công ty TNHH Tin Thành	230.422.500	230.422.500	-	-
Công ty Đầu tư và Phát triển Đông Bắc Campuchia	2.565.314.357	2.565.314.357	5.269.300.000	5.269.300.000
C.R.C.K.2 Aphivath Caoutchouc Co.,Ltd	5.901.811.163	5.901.811.163	5.750.490.185	5.750.490.185
Các đối tượng khác	228.090.000	228.090.000	354.214.021	354.214.021
<b>Cộng</b>	<b>11.163.878.980</b>	<b>11.163.878.980</b>	<b>12.986.353.797</b>	<b>12.986.353.797</b>

**5.14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	VND	VND
<b><i>Trả trước của các bên liên quan</i></b>	<b>441.000.000</b>	<b>4.213.778.410</b>
Công ty Cổ phần Chế biến - Xuất nhập khẩu gỗ Tây Ninh	-	4.213.778.410
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ & Du lịch Cao su	441.000.000	-
<b><i>Trả trước của các khách hàng khác</i></b>	<b>8.111.486.096</b>	<b>6.360.533.223</b>
Công ty TNHH MTV XNK Phú Tài	-	2.978.300.000
Cty TNHH Minh Thy Vàng	100.441.765	30.603.531
Công ty TNHH SX Cao su Liên Anh	-	1.680.560.530
Công ty TNHH Cao Su PR	1.102.500.000	1.549.593.192
Công ty TNHH SX&TM Hoa Sen Vàng	2.571.554.129	-
Công ty TNHH Cao Su Đại Thắng	4.202.100.000	-
Người mua trả trước khác	134.890.202	121.475.970
<b>Cộng</b>	<b>8.552.486.096</b>	<b>10.574.311.633</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH**

Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN/HN

**5.15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	313.541.233	321.896.955
Tiền ăn giữa ca và bồi dưỡng độc hại	1.413.301.000	1.399.228.500
Tiền thuê đất nông nghiệp	1.708.641.234	1.650.989.906
Chi phí kiểm toán	210.000.000	90.000.000
Trích trước CP khoán sửa chữa CKCB	232.065.900	75.491.224
Chi phí hỗ trợ nhập cảnh sang Campuchia	-	290.906.000
Chi phí khấu hao Vườn cây Kinh doanh	6.536.230.540	2.143.624.781
Trích trước chi phí tiền điện	412.412.539	-
Chi phí phải trả khác	161.781.627	291.705.997
<b>Cộng</b>	<b>10.987.974.073</b>	<b>6.263.843.363</b>

**5.16. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b><i>Phải trả các bên liên quan</i></b>	<b>21.999.710.000</b>	<b>19.786.221.590</b>
Phải trả Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần về tiền cổ tức	18.000.000.000	18.000.000.000
Phải trả Công ty CP Đầu Tư Sài Gòn VRG về tiền cổ tức	2.904.250.000	-
Phải trả Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển VRG Long Thành về tiền cổ tức	1.095.460.000	-
Nhận ký quỹ ký cược từ các bên liên quan	-	1.786.221.590
<b><i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i></b>	<b>8.349.549.400</b>	<b>12.061.902.983</b>
Nhận ký quỹ, ký cược	387.791.000	418.000.000
Phải trả khám chữa bệnh	40.897.821	75.441.523
Phải trả cổ tức cho các cổ đông	7.222.895.000	11.222.053.280
Các khoản phải trả khác	697.965.579	346.408.180
<b>Cộng</b>	<b>30.349.259.400</b>	<b>31.848.124.573</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH**

Địa chỉ: Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN/HN

**5.17. Vay và nợ thuê tài chính****5.17.1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2022		Trong năm			01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Chênh lệch tỷ	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	VND	giá	VND	trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>11.200.000.000</b>	<b>11.200.000.000</b>	<b>11.200.000.000</b>	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hồ Chí Minh (i)	11.200.000.000	11.200.000.000	11.200.000.000	-	-	-	-
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>37.623.217.680</b>	<b>37.623.217.680</b>	<b>37.197.513.599</b>	<b>33.700.225.061</b>	<b>1.190.077.852</b>	<b>32.935.851.290</b>	<b>32.935.851.290</b>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - CN Phnom Penh (ii)	37.623.217.680	37.623.217.680	37.197.513.599	33.700.225.061	1.190.077.852	32.935.851.290	32.935.851.290
<b>Cộng</b>	<b>48.823.217.680</b>	<b>48.823.217.680</b>	<b>48.397.513.599</b>	<b>33.700.225.061</b>	<b>1.190.077.852</b>	<b>32.935.851.290</b>	<b>32.935.851.290</b>

**5.17.2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2022		Trong năm			01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Chênh lệch tỷ	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	VND	giá	VND	trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - CN Phnom Penh (ii)	203.448.126.469	203.448.126.469	-	37.197.513.599	7.708.722.754	232.936.917.314	232.936.917.314
<b>Cộng</b>	<b>203.448.126.469</b>	<b>203.448.126.469</b>	<b>-</b>	<b>37.197.513.599</b>	<b>7.708.722.754</b>	<b>232.936.917.314</b>	<b>232.936.917.314</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH**

Địa chỉ: Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN/HN

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay và nợ thuê tài chính**

(i) Hợp đồng cấp hạn mức vay vốn Số 37/2022/HDHM-PN/SHB.130100 ngày 18/03/2022 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh và Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh với các nội dung chi tiết như sau:

- Giá trị hạn mức vay vốn: 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng). Thời gian duy trì hạn mức vay vốn: 12 tháng từ ngày 18/03/2022 đến ngày 18/03/2023
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ cho sản xuất kinh doanh. Mục đích cụ thể của từng khoản vay giải ngân sẽ được quy định cụ thể trong Khế ước nhận nợ mỗi lần giải ngân
- Lãi suất: được quy định cụ thể tại từng giấy nhân nợ
- Thời hạn vay: Quy định cụ thể tại từng Khế ước nhận nợ
- Biện pháp đảm bảo khoản vay: Khoản vay được đảm bảo bằng: quyền sở hữu và khai thác tài sản gắn liền với đất hiện tại và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai là các vườn cây cao su sau (bao gồm nhưng không giới hạn: Quyền sở hữu và khai thác tài sản hiện tại trên đất, tài sản gắn liền với đất và giá trị tài sản hình thành trong tương lai phát sinh từ những tài sản này quyền đầu tư và các quyền tài sản khác, quyền được phân chia và sử dụng, khai thác và/hoặc sở hữu sản phẩm được phân chia; quyền yêu cầu hoàn trả tiền ứng trước tiền phạt vi phạm, tiền bồi thường thiệt hại và thụ hưởng số tiền này; các quyền, lợi ích các khoản bồi hoàn;...):
  - + Vườn cây cao su được trồng trên diện tích đất 14.986.538,5 m2 tọa lạc tại Xã cầu Khởi Huyện Dương Minh Châu, Tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CE 979057, Sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS01852 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 26/07/2017.
  - + Vườn cây cao su được trồng trên diện tích đất 23.573.577,8 m2 tọa lạc tại Xã Bến Củi, Huyện Dương Minh Châu, Tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CE 979058, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS01853 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 26/07/2017
  - + Vườn cây cao su được trồng trên diện tích đất 3.133.668,4 m2 tọa lạc tại Xã Chà Là, Huyện Dương Minh Châu, Tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CE 979059, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS01854 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 26/07/2017.
  - + Vườn cây cao su được trồng trên diện tích đất 9.261.455,1 m2 tọa lạc tại Xã Thạnh Đức, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CE 979060, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS01855 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 26/07/2017.
  - + Vườn cây cao su được trồng trên diện tích đất 17.749.788,9 m2 tọa lạc tại Xã Thạnh Đức, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CE 979061, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS01856 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 26/07/2017.
  - + Vườn cây cao su được trồng trên diện tích đất 5.571.122,3 m2 tọa lạc tại Xã Hiệp Thạnh, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CE 979062, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS01857 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 26/07/2017
- Số dư khoản vay tại ngày 31/12/2022: 11.200.000.000 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH**

Địa chỉ: Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN/HN

(ii) Bao gồm 2 hợp đồng vay của Công ty Tây Ninh - Siêm Riệp Phát trên Cao su các điều khoản chi tiết như sau:

(1) Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 539/HĐTDTDH-PN/SHB PHNOMPENH-TAYNINH SIEMREAP ngày 08/12/2014, với các điều khoản như sau:

- Hạn mức cho vay: 19.438.000,00 USD;

- Mục đích vay: Đầu tư dự án trồng mới và chăm sóc 6.157 ha cao su tại huyện Tra Peang Prasat, tỉnh Oddar Mean Chey, Vương quốc Campuchia;

- Lãi suất vay: 7,25%/năm;

- Thời hạn vay: 168 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên;

- Thời gian ân hạn gốc: 84 tháng đối với mỗi khế ước nhận nợ;

- Hình thức đảm bảo viên vay:

+ Toàn bộ 6.157 ha cao su tại huyện Tra Peang Prasat, tỉnh Oddar Mean Chey, Vương quốc Campuchia (bao gồm toàn bộ vườn cây cao su, các tài sản hình thành trên đất dự án và các tài sản khác thuộc dự án...);

+ Thư bảo lãnh của Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội (SHB) Chi nhánh Hồ Chí Minh cho Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh để thực hiện cam kết chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài.

- Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2022 là 6.106.321,55 USD tương đương 144.780.883.951 VND, trong đó số dư nợ gốc phải trả trong vòng 1 năm tới là: 906.108,00 USD tương đương 21.483.820.680 VND.

(2) Ngày 15/12/2017, HĐQT ký quyết định số: 1286/QĐ-CSTN về việc phê duyệt một số nội dung vay vốn tại Công ty Tây Ninh Siêm Riệp PTCS. Đồng thời, Công ty ký hợp đồng tín dụng số: 182/2017/HDTD-PN/SHB.PP ngày 26/12/2017 với các điều khoản chi tiết như sau:

- Với hạn mức tín dụng mới là: 10.235.000,00 USD.

- Mục đích vay: Đầu tư dự án trồng mới và chăm sóc 6.419 ha cao su tại huyện Tra Peang Prasat, tỉnh Oddar Mean Chey, Vương quốc Campuchia;

- Lãi suất vay: 7,25%/năm;

- Thời hạn vay: 144 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên;

- Thời gian ân hạn gốc: 84 tháng;

- Tài sản đảm bảo:

+ Quyền sử dụng đất, quyền khai thác vườn cây cao su và các tài sản hình thành trên đất tổng diện tích là 3.210,89 ha được Chính Phủ CPC cấp giấy chứng nhận sử dụng đất số: ២.៥ 0008/002 cấp ngày 02/09/2016, tại KhumTrapeang Prasat, Huyện Trapeang Prasat, Tỉnh Oddar Meanchey, Vương quốc Campuchia.

+ Quyền sử dụng đất, quyền khai thác vườn cây cao su và các tài sản hình thành trên đất có tổng diện tích 169,37 ha được Chính Phủ CPC cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: ២.៥ 0009/001 ngày 02/09/2016 tại Khum P'aw, Trapeang Prasat, Tỉnh Oddar Meanchey, Vương quốc Campuchia.

- Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2022 là 4.061.175,04 USD tương đương 96.290.460.198 VND, trong đó số dư nợ gốc phải trả trong 1 năm tới là: 680.700,00 USD tương đương 16.139.397.000 VND.

**5.17.3. Vay và nợ quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có các khoản vay và nợ quá hạn chưa thanh toán



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH**

Địa chỉ: Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 – DN/HN

**5.18. Vốn chủ sở hữu**

**5.18.1. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Năm trước</b>						
<b>Số dư tại ngày 01/01/2021</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>(43.777.986.793)</b>	<b>59.984.196.890</b>	<b>1.171.697.825.213</b>	<b>73.672.848.570</b>	<b>1.561.576.883.880</b>
<b>Tăng trong năm trước</b>	-	-	-	<b>9.318.029.411</b>	<b>98.070.339.332</b>	<b>107.388.368.743</b>
Lãi trong năm trước					97.217.945.620	97.217.945.620
Phân phối lợi nhuận				9.318.029.411		9.318.029.411
Tăng khác					852.393.712	852.393.712
<b>Giảm trong năm trước</b>	-	-	<b>(16.144.308.935)</b>	-	<b>(92.320.542.997)</b>	<b>(108.464.851.932)</b>
Chia cổ tức					(26.212.500.000)	(26.212.500.000)
Tạm ứng cổ tức (i)					(29.125.000.000)	(29.125.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển					(9.318.029.411)	(9.318.029.411)
Trích quỹ KTPL					(27.307.833.586)	(27.307.833.586)
Trích quỹ KT người QLDN					(357.180.000)	(357.180.000)
Giảm do chuyển đổi BCTC			(16.144.308.935)			(16.144.308.935)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2021</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>(43.777.986.793)</b>	<b>43.839.887.955</b>	<b>1.181.015.854.624</b>	<b>79.422.644.905</b>	<b>1.560.500.400.691</b>
<b>Năm nay</b>						
<b>Số dư tại ngày 01/01/2022</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>(43.777.986.793)</b>	<b>43.839.887.955</b>	<b>1.181.015.854.624</b>	<b>79.422.644.905</b>	<b>1.560.500.400.691</b>
<b>Tăng trong năm nay</b>	-	-	<b>31.996.869.221</b>	<b>20.421.855.665</b>	<b>74.991.485.384</b>	<b>127.410.210.270</b>
Lãi trong năm nay				-	74.991.485.384	74.991.485.384
Phân phối lợi nhuận (i)				20.421.855.665		20.421.855.665
Tăng do chuyển đổi Báo cáo tài chính			31.882.972.037			31.882.972.037
Tăng do hợp nhất Báo cáo tài chính			113.897.184		-	113.897.184
<b>Giảm trong năm nay</b>	-	-	-	-	<b>(109.952.102.505)</b>	<b>(109.952.102.505)</b>
Chia cổ tức (i)					(26.212.500.000)	(26.212.500.000)
Tạm ứng cổ tức (ii)					(29.125.000.000)	(29.125.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)					(20.421.855.665)	(20.421.855.665)
Trích quỹ KTPL (i)					(32.422.575.305)	(32.422.575.305)
Trích quỹ KT người QLDN (i)					(365.713.935)	(365.713.935)
Giảm do hợp nhất Báo cáo tài chính					(1.404.457.600)	(1.404.457.600)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2022</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>(43.777.986.793)</b>	<b>75.836.757.176</b>	<b>1.201.437.710.289</b>	<b>44.462.027.784</b>	<b>1.577.958.508.456</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH**

Địa chỉ: Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 577/NQHĐQT-CSTN ngày 10/06/2022, Công ty công bố phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

<b>Nội dung</b>	<b>Số tiền</b>
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	32.422.575.305
- Trích quỹ Đầu tư phát triển (từ nguồn lợi nhuận còn lại)	20.421.855.665
- Trích quỹ khen thưởng người quản lý doanh nghiệp	365.713.935
- Chia cổ tức (tỷ lệ 19% vốn điều lệ) (*)	55.337.500.000
<b>Cộng</b>	<b>108.547.644.905</b>

(\*) Cổ tức từ nguồn lợi nhuận năm 2021 được chia 2 đợt như sau:

(1) Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2021 bằng 10% vốn điều lệ theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1189/NQ-HĐQTCSTN ngày 19/11/2021

(2) Công ty thực hiện chia số cổ tức năm 2021 còn lại bằng 9% vốn điều lệ theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 667/NQ-HĐQTCSTN ngày 15/07/2022

(ii) Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2022 bằng 10% vốn điều lệ theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1053/NQ-HĐQTCSTN ngày 28/11/2022



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH**

Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN/HN

**5.18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	180.000.000.000	180.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG	29.042.500.000	29.042.500.000
Công ty Cổ phần ĐT & PT VRG Long Thành	10.954.600.000	14.475.600.000
Công ty Cổ phần Bao bì Sài Gòn	-	8.957.300.000
Công ty TNHH Thương mại Kim Tín	-	1.740.000.000
Aggregate Value Fund Vcc	715.400.000	715.400.000
Công ty TNHH Hwa Seung Vina	700.300.000	700.300.000
Vốn của các đối tượng khác	69.837.200.000	55.618.900.000
Cổ phiếu quỹ	8.750.000.000	8.750.000.000
<b>Cộng</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>300.000.000.000</b>

**5.18.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01/01	300.000.000.000	300.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31/12	300.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	55.337.500.000	55.337.500.000

**5.18.4. Cổ phiếu**

	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	<i>Cổ phiếu</i>	<i>Cổ phiếu</i>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000	30.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.000.000	30.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua, bán lại	875.000	875.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	875.000	875.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.125.000	29.125.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	29.125.000	29.125.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH**

Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN/HN

**5.18.5. Phân phối lợi nhuận**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận đầu năm chưa phân phối	79.422.644.905	73.672.848.570
Lợi nhuận từ hoạt động SXKD trong năm	74.991.485.384	97.217.945.620
Các khoản khác điều chỉnh tăng lợi nhuận	-	852.393.712
Các khoản khác điều chỉnh giảm lợi nhuận	(1.404.457.600)	-
Lợi nhuận được phân phối trong năm	153.009.672.689	171.743.187.902
Phân phối các quỹ và chia lợi nhuận, trong đó:	(108.547.644.905)	(92.320.542.997)
- Chia cổ tức năm nay	(55.337.500.000)	(55.337.500.000)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	(20.421.855.665)	(9.318.029.411)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(32.422.575.305)	(27.307.833.586)
- Trích quỹ khen thưởng người QLDN	(365.713.935)	(357.180.000)
<b>Lợi nhuận còn lại chưa phân phối</b>	<b>44.462.027.784</b>	<b>79.422.644.905</b>

**5.18.6. Các quỹ của doanh nghiệp**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	1.201.437.710.289	1.181.015.854.624
<b>Cộng</b>	<b>1.201.437.710.289</b>	<b>1.181.015.854.624</b>

**5.19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	31/12/2022	01/01/2022
a. Tài sản nhận giữ hộ, nhận gia công (kg)	1.067.804,03	605.640,00
- Mủ Latex (Kg)	146.640,00	-
- Mủ SVR 5 (Kg)	0,03	-
- Mủ SVR 3L (Kg)	126.000,00	-
- Mủ SVR 10 (Kg)	80.640,00	605.640,00
- Mủ ngoại lệ (Kg)	40.000,00	-
- Mủ gia công cho bên ngoài (Kg)	674.524,00	-
b. Ngoại tệ các loại		
- Dollar Mỹ (USD)	1.158.974,42	1.225.046,48
- Riel (KHR)	16.327.370,00	4.400,00
c. Nợ khó đòi đã xử lý	2.798.117.781	2.798.117.781

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán thành phẩm cao su	457.819.094.106	367.382.803.394
Doanh thu bán hàng hóa	52.450.702.036	40.414.647.781
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.194.268.768	9.666.703.115
<b>Cộng</b>	<b>523.464.064.910</b>	<b>417.464.154.290</b>
<b>Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 9.1.2)</b>	<b>26.216.015.058</b>	<b>15.114.142.178</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH**

Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN/HN

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn hàng bán mủ cao su thành phẩm	335.815.716.815	253.595.675.809
Giá vốn hàng bán hàng hóa đã bán	51.725.048.579	39.752.758.657
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	12.959.235.023	9.476.041.308
Chi phí chung vượt dự toán	16.413.361.698	15.800.347.471
Thuế giá trị gia tăng đầu vào không được khấu trừ	46.651.225	35.750.544
<b>Cộng</b>	<b>416.960.013.340</b>	<b>318.660.573.789</b>

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	624.680.376	1.918.759.508
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.709.308.444	14.416.455.419
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong kỳ	1.739.223.030	129.784.322
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	267.153.437	-
<b>Cộng</b>	<b>8.340.365.287</b>	<b>16.464.999.249</b>
<b>Doanh thu hoạt động tài chính trong năm với các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 9.1.2)</b>	<b>5.709.308.444</b>	<b>14.416.455.419</b>

**6.4. Chi phí tài chính**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền vay	12.126.514.133	6.281.486.297
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện trong kỳ	209.452.886	194.980.634
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	262.766.622	80.356.722
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(78.050.408)	255.180.521
<b>Cộng</b>	<b>12.520.683.233</b>	<b>6.812.004.174</b>

**6.5. Chi phí bán hàng**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí vật liệu, bao bì	1.687.467.445	1.493.913.162
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	304.973.015	278.678.861
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.800.950.950	2.225.590.805
Chi phí khác bằng tiền	444.093.569	248.099.829
<b>Cộng</b>	<b>7.237.484.979</b>	<b>4.246.282.657</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH**

Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN/HN

**6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	20.291.118.532	17.834.307.832
Chi phí vật liệu quản lý	875.295.893	621.474.335
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	247.627.131	713.278.385
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.670.395.494	1.466.901.105
Chi phí - Thuế, phí và lệ phí	407.564.912	352.613.029
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.690.200.763	2.035.659.961
Chi phí bằng tiền khác	10.307.970.494	9.685.587.316
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	(2.385.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>33.105.173.219</b>	<b>32.709.821.963</b>

**6.7. Thu nhập khác**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập từ cây cao su thanh lý	23.405.191.513	34.293.426.018
Thu nhập từ cây cao su gãy đổ	154.139.000	488.007.000
Thu nhập từ thanh lý mù tạt thu	784.794.933	-
Thu nhập từ hoạt động hợp tác kinh doanh	2.204.483.612	2.025.005.388
Thu nhập từ cho thuê mặt bằng	266.181.816	196.090.908
Thu nhập tại trung tâm y tế	1.442.199.486	4.280.183.874
Thu nhập từ bồi thường, nhận hỗ trợ	116.566.000	-
Thu nhập từ bán phế liệu	2.318.181	7.061.817
Thu nhập từ bán cây giống	-	44.080.000
Thu nhập khác	945.861.104	7.198.578.413
<b>Cộng</b>	<b>29.321.735.645</b>	<b>48.532.433.418</b>

**Thu nhập khác phát sinh trong năm với các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 9.1.2)**

<b>18.476.495.201</b>	<b>29.263.165.376</b>
-----------------------	-----------------------

**6.8. Chi phí khác**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí tại trung tâm y tế	1.442.199.486	4.280.183.874
Chi phí cao su gãy đổ	1.800.000	14.000.000
Chi phí thanh lý mù tạt thu	78.400.000	-
Chi phí bán phế liệu	-	2.147.000
Chi phí khác	915.873.103	2.820.555.549
<b>Cộng</b>	<b>2.438.272.589</b>	<b>7.116.886.423</b>

**6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí thuế TNDN tại Công ty mẹ	13.682.921.528	16.039.288.532
Chi phí thuế TNDN tại Công ty con	-	-
<b>Cộng thuế TNDN ước tính phải nộp</b>	<b>13.682.921.528</b>	<b>16.039.288.532</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH**

Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN/HN

**6.10. Lãi cơ bản/Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	74.991.485.384	97.217.945.620
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	74.991.485.384	97.217.945.620
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	21.963.430.000	32.422.575.305
Số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	29.125.000	29.125.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.821	2.225
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.821	2.225

(i) Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2022 được ước tính theo Kế hoạch tài chính SXKD năm 2022 của Công ty. Công ty chỉ sử dụng số liệu này để xác định chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm nay

**6.11. Chi phí sản xuất theo yếu tố**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	48.691.766.774	40.655.469.138
Chi phí nhân công	220.966.406.845	213.945.247.429
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	8.445.961.313	1.847.515.660
Chi phí khấu hao tài sản cố định	41.332.669.280	28.754.346.988
Thuế, phí và lệ phí	13.021.853.193	12.186.526.122
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.084.795.190	24.258.675.868
Chi phí khác bằng tiền	35.948.185.355	27.059.950.091
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	(2.385.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>378.106.637.950</b>	<b>348.707.731.296</b>

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT****7.1. Tiền thu từ đi vay**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	11.200.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>11.200.000.000</b>	<b>-</b>

**7.2. Tiền trả nợ gốc vay**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	33.700.225.061	4.811.190.330
<b>Cộng</b>	<b>33.700.225.061</b>	<b>4.811.190.330</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH**

Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN/HN

**8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Các loại công cụ tài chính của Công ty:

A. Tài sản tài chính	Giá trị sổ sách			
	01/01/2022		31/12/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền và tương đương tiền	112.634.862.121	-	75.880.668.132	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	15.403.662.123	(2.525.143.727)	21.391.061.273	(140.143.727)
Đầu tư dài hạn	178.646.500.495	(8.414.051.117)	177.051.911.325	(8.336.000.709)
<b>Cộng</b>	<b>306.685.024.739</b>	<b>(10.939.194.844)</b>	<b>274.323.640.730</b>	<b>(8.476.144.436)</b>

B. Nợ phải trả tài chính	Giá trị sổ sách	
	01/01/2022	31/12/2022
	VND	VND
Phải trả người bán, phải trả khác	44.834.478.370	41.513.138.380
Chi phí phải trả	6.263.843.363	10.987.974.073
Vay và nợ	265.872.768.604	252.271.344.149
<b>Cộng</b>	<b>316.971.090.337</b>	<b>304.772.456.602</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**i. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH**

Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN/HN

*Rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

*Rủi ro về tỷ giá hối đoái*

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

*Rủi ro về lãi suất*

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**ii. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Tại ngày 01/01/2022	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và tương đương tiền	112.634.862.121	-	-	112.634.862.121
Phải thu khách hàng, phải thu khác	13.658.242.123	1.745.420.000	-	15.403.662.123
Đầu tư dài hạn	-	-	178.646.500.495	178.646.500.495
<b>Cộng</b>	<b>126.293.104.244</b>	<b>1.745.420.000</b>	<b>178.646.500.495</b>	<b>306.685.024.739</b>

Tại ngày 31/12/2022	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và tương đương tiền	75.880.668.132	-	-	75.880.668.132
Phải thu khách hàng, phải thu khác	19.611.901.273	1.779.160.000	-	21.391.061.273
Đầu tư dài hạn	-	-	177.051.911.325	177.051.911.325
<b>Cộng</b>	<b>95.492.569.405</b>	<b>1.779.160.000</b>	<b>177.051.911.325</b>	<b>274.323.640.730</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH**

Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Mẫu số B 09 - DN/HN****iii. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

<b>Tại ngày</b> <b>01/01/2022</b>	<b>Từ 01 năm</b> <b>trở xuống</b>	<b>Trên 01 năm</b> <b>đến 05 năm</b>	<b>Trên 05 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Phải trả người bán, phải trả khác	44.834.478.370	-	-	44.834.478.370
Chi phí phải trả	6.263.843.363	-	-	6.263.843.363
Vay và nợ	32.935.851.290	232.936.917.314	-	265.872.768.604
<b>Cộng</b>	<b>84.034.173.023</b>	<b>232.936.917.314</b>	<b>-</b>	<b>316.971.090.337</b>
<b>Tại ngày</b> <b>31/12/2022</b>	<b>Từ 01 năm</b> <b>trở xuống</b>	<b>Trên 01 năm</b> <b>đến 05 năm</b>	<b>Trên 05 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Phải trả người bán, phải trả khác	41.513.138.380	-	-	41.513.138.380
Chi phí phải trả	10.987.974.073	-	-	10.987.974.073
Vay và nợ	48.823.217.680	203.448.126.469	-	252.271.344.149
<b>Cộng</b>	<b>101.324.330.133</b>	<b>203.448.126.469</b>	<b>-</b>	<b>304.772.456.602</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH**

Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN/HN

**9. CÁC THÔNG TIN KHÁC****9.1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**9.1.1. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

		Năm 2022		Năm 2021	
		Tiền lương/ thù lao VND	Tiền thưởng VND	Tiền lương/ thù lao VND	Tiền thưởng VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>					
Phạm Văn Hồi Em	Chủ tịch	52.164.050	4.347.004	-	-
Phạm Thanh Hòa	Chủ tịch	220.694.056	18.391.171	466.713.696	58.339.212
Lê Văn Chánh	Tổng Giám đốc - Thành viên	451.419.666	37.618.306	437.544.090	54.693.011
Trương Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc - Thành viên	398.127.066	33.177.256	393.789.681	49.223.710
Nguyễn Thái Bình	Thành viên	406.277.696	33.856.475	393.789.681	49.223.710
Phan Quốc Khải	Thành viên	44.013.417	3.667.785	-	-
Võ Trần Minh Đăng	Thành viên	190.541.696	1.253.943	184.461.681	1.823.100
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>					
Nguyễn Hồng Thái	Phó Tổng Giám đốc	391.230.378	32.602.532	379.204.878	47.400.610
Trần Thị Tố Anh	Kế toán trưởng	361.135.728	30.094.644	350.035.272	43.754.409
<b>Ban kiểm soát</b>					
Đặng Thị Bông	Trưởng ban	176.415.186	16.301.266	-	-
Đỗ Thị Thanh Vân	Trưởng ban	184.720.542	13.793.379	350.035.272	43.754.409
Khúc Thị Mỹ Trinh	Thành viên	152.526.821	6.018.929	165.891.315	8.750.882
Bùi Thanh Tâm	Thành viên	36.113.573	3.009.464	70.007.052	8.750.882
Đỗ Phú Hồng Quân	Thành viên	21.066.251	1.755.521	-	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>3.086.446.126</b>	<b>235.887.675</b>	<b>3.191.472.618</b>	<b>365.713.935</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH**

Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN/HN

**9.1.1. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (Tiếp theo)***Các giao dịch khác với thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt:*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không có số dư phải thu/phải trả khác với các thành viên quản lý chủ chốt.

**9.1.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con, các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ

*Danh sách các bên liên quan khác*

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Địa điểm</b>
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	TP. Hồ Chí Minh
Công ty Tây Ninh Siêm Riệp - Phát triển Cao su	Công ty con	Campuchia
Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ và Du lịch Cao su	Công ty cùng Tập đoàn	Quảng Ninh
Công ty Cổ phần Chế biến - Xuất nhập khẩu Gỗ Tây Ninh	Công ty liên kết	Tây Ninh
Công ty Cổ phần VRG Khải Hoàn	Công ty cùng Tập đoàn	Bình Dương
Viện nghiên cứu Cao su Việt Nam	Đơn vị sự nghiệp cùng Tập đoàn	TP. Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Cao su Điện Biên	Công ty cùng Tập đoàn	Điện Biên
Công ty Cổ phần Cao su Trường Phát	Công ty cùng Tập đoàn	Bình Dương
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An	Công ty cùng Tập đoàn	Bình Dương
Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Kiên Giang	Công ty cùng Tập đoàn	Kiên Giang
Công ty Cổ phần Cơ khí Cao su	Công ty cùng Tập đoàn	TP. Hồ Chí Minh
Tạp chí Cao su Việt Nam	Đơn vị sự nghiệp cùng Tập đoàn	TP. Hồ Chí Minh
Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su Việt Nam	Đơn vị sự nghiệp cùng Tập đoàn	Bình Phước
Công ty Cổ phần Cao su Lai Châu	Công ty cùng Tập đoàn	Lai Châu
Công ty Cổ phần Cao su Lai Châu II	Công ty cùng Tập đoàn	Lai Châu
Công ty Cổ phần Cao su Bà Rịa - Kampong Thom	Công ty cùng Tập đoàn	Bà Rịa
Công ty Cổ phần Cao su Việt Lào	Công ty cùng Tập đoàn	TP. Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Xuất Khẩu Cao su VRG Nhật Bản	Công ty cùng Tập đoàn	TP. Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị & KCN Cao su Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn	Hải Dương
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An	Công ty cùng Tập đoàn	Bình Dương
Công ty CP Gỗ MDF VRG Dongwha	Công ty cùng Tập đoàn	Bình Phước



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH**

Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN/HN

*Giao dịch với các bên liên quan khác***Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm với các bên liên quan khác**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Doanh thu bán thành phẩm</b>	<b>14.464.715.172</b>	<b>6.608.649.600</b>
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	14.464.715.172	1.180.569.600
Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ và Du lịch Cao Su	-	5.428.080.000
<b>Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>	<b>11.751.299.886</b>	<b>8.505.492.578</b>
Công ty Cổ phần Cao Su Lai Châu	5.915.611.626	4.657.826.029
Công ty Cổ phần Cao Su Lai Châu II	5.583.143.597	1.604.063.253
Công ty Cổ phần ĐTPT Cao su Nghệ An	24.812.200	363.759.650
Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ và Du lịch Cao su	-	1.716.163.646
Công ty Cổ phần Xuất Khẩu Cao su VRG Nhật Bản	-	11.680.000
Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu gỗ Tây Ninh	162.128.789	152.000.000
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao Su Đồng Nai	65.603.674	-
<b>Cộng</b>	<b>26.216.015.058</b>	<b>15.114.142.178</b>

**Doanh thu hoạt động tài chính trong năm với các bên liên quan khác**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Cổ tức, lợi nhuận được chia</b>	<b>5.709.308.444</b>	<b>14.416.455.419</b>
Công ty Cổ phần Chế biến - Xuất nhập khẩu Gỗ Tây Ninh	1.470.000.000	1.960.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị & KCN Cao su Việt Nam	-	706.400.000
Công ty Cổ phần Cao su Việt Lào	4.239.308.444	11.750.055.419
<b>Cộng</b>	<b>5.709.308.444</b>	<b>14.416.455.419</b>

**Thu nhập khác phát sinh trong năm với các bên liên quan khác**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Thu nhập từ cây cao su thanh lý</b>	<b>18.322.356.201</b>	<b>29.263.165.376</b>
Công ty Cổ phần Chế biến - Xuất nhập khẩu Gỗ Tây Ninh	14.645.521.940	19.221.458.646
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Thuận An	3.676.834.261	10.041.706.730
<b>Thu nhập từ cây cao su gãy đổ</b>	<b>154.139.000</b>	-
Công ty Cổ phần Chế biến - Xuất nhập khẩu Gỗ Tây Ninh	154.139.000	-
<b>Cộng</b>	<b>18.476.495.201</b>	<b>29.263.165.376</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH**

Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN/HN

**Mua hàng hóa dịch vụ trong năm từ các biên liên quan khác**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tạp chí cao su Việt Nam - Mua vật tư	366.300.000	995.895.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cao Su Nghệ An - Mua mũ cao su	-	1.569.146.600
Công ty Cổ phần Cơ khí Cao su - Mua vật tư thay thế	591.725.000	1.065.500.000
Viện nghiên cứu Cao su - Mua thuốc nông nghiệp, dịch vụ kiểm tra mẫu mũ	1.868.034.736	1.405.311.104
Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	134.970.000	121.800.000
Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ và Du lịch Cao su - Mua mũ SVR10	8.609.126.400	-
Công ty Cổ phần Cao Su Lai Châu - Mua mũ SVR10	6.568.934.400	-
<b>Cộng</b>	<b>18.139.090.536</b>	<b>5.157.652.704</b>

**Các giao dịch khác**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Cổ tức phải trả</b>	<b>19.799.739.000</b>	<b>34.200.000.000</b>
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	16.200.000.000	34.200.000.000
Công ty CP Đầu Tư Sài Gòn VRG - Cổ tức đã trả	2.613.825.000	-
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển VRG Long Thành - Cổ tức đã trả	985.914.000	-
<b>Nhận đặt cọc mua cây cao su thanh lý</b>	<b>-</b>	<b>3.659.566.755</b>
Công ty Cổ phần Chế biến - Xuất nhập khẩu Gỗ Tây Ninh	-	3.659.566.755

**Công nợ với các bên liên quan khác**

Ngoài các số dư với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty không còn có các số dư với các bên liên quan khác.

**9.2. Thông tin về bộ phận**

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**9.3. Những khoản nợ tiềm tàng**

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

**9.4. Thông tin về hoạt động liên tục**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH**

Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN/HN

**9.5. Thông tin khác**

Theo Nghị quyết số 02/NQHĐTVCSVN ngày 22/04/2014 của Hội Đồng Thành Viên Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam và Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị của Công ty CP Cao su Tây Ninh ngày 27/04/2014, Tập đoàn và Hội đồng quản trị công ty đã thống nhất chủ trương và ủy quyền cho Công ty con của Công ty CP Cao su Tây Ninh là Công ty TNHH Tây Ninh - Siêm Riệp Phát triển Cao su (Công ty TNSR) được thực hiện các thủ tục sang nhượng dự án Best Royal của Công ty TNHH Best Royal để trồng cao su với diện tích từ 4.000 đến 4.500 ha.

Theo hợp đồng hợp tác số 20/HĐKT – TNSR ngày 28/04/2014 giữa Công ty Tây Ninh – Siêm Riệp Phát triển Cao su (“Tây Ninh Siêm Riệp – Bên A”) và Công ty TNHH Best Royal (“Best Royal” – Bên B), Bên B sẽ sang nhượng dự án Best Royal cho Tây Ninh Siêm Riệp. Trước tiên, Best Royal sẽ bàn giao mặt bằng đất sạch đảm bảo đủ tiêu chuẩn trồng cao su theo kết luận của Viện nghiên cứu Cao su Việt Nam với tỷ lệ trồng đạt trên 80%.

Theo hợp đồng 30/2015/HĐKT-TNSR ngày 26/10/2015 giữa Công ty Tây Ninh - Siêm Riệp Phát triển Cao su (Bên A) và Công ty TNHH Best Royal (Bên B), Bên B sẽ chuyển giao cho bên A toàn bộ diện tích vườn cây KTCB năm 2013 chậm nhất đến ngày 31/12/2020 với tổng giá trị chuyển giao là 3.321.910,00 USD. Đến thời điểm 31/12/2020, Công ty Best Royal đã bàn giao cho Tây Ninh Siêm Riệp với diện tích là 729,53 ha, trong đó, diện tích vườn cây 2013 hiện hữu của Công ty TNHH Best Royal là 651,39 ha. Đến 31/12/2022, Công ty Tây Ninh - Siêm Riệp Phát triển Cao su đã đầu tư chăm sóc vườn cây kiến thiết cơ bản trên diện tích này là 1.460.661,57 USD tương đương 34.194.097.354 VND. Giá trị sang nhượng mà Tây Ninh Siêm Riệp đã ứng trước cho Best Royal tương ứng diện tích sẽ bàn giao đến thời điểm 31/12/2022 là 3.044.309,01 USD.

Theo hợp đồng 31/2015/HĐKT-TNSR ngày 04/12/2015 giữa Công ty Tây Ninh - Siêm Riệp Phát triển Cao su (Bên A) và Công ty TNHH Best Royal (Bên B), Bên B sẽ chuyển giao cho bên A toàn bộ diện tích đất trồng cao su năm 2014 và 2015 chậm nhất đến ngày 31/12/2020 với diện tích đất là 2.340,437 ha và tổng giá trị chuyển giao là 4.797.896,00 USD. Đến thời điểm 31/12/2022, Công ty Tây Ninh - Siêm Riệp Phát triển Cao su đã đầu tư trồng mới và chăm sóc vườn cây kiến thiết cơ bản trên diện tích này là 9.628.250,99 USD. Giá trị sang nhượng mà Tây Ninh Siêm Riệp đã ứng trước cho Best Royal tương ứng diện tích sẽ bàn giao đến thời điểm 31/12/2022 là 4.278.210,00 USD.

Cũng theo các Phụ lục hợp đồng của Hợp đồng trên, đến hết 31/12/2020, Best Royal phải bàn giao toàn bộ diện tích và thực hiện các thủ tục pháp lý để Công ty Tây Ninh - Siêm Riệp Phát triển Cao su là sở hữu toàn bộ dự án theo Luật pháp Campuchia. Căn cứ vào điều lệ của Công ty Best Royal, thì Công ty Best Royal là công ty con của Công ty Tây Ninh - Siêm Riệp PTCS nắm giữ 1000 cổ phần với tỷ lệ sở hữu là 100%. Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Best Royal và Công ty Tây Ninh - Siêm Riệp Phát triển Cao su đang làm các thủ tục gia hạn thời gian bàn giao diện tích đất trồng cao su.

**9.6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**9.7. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH**

Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN/HN

Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất được Công ty thực hiện trình bày lại, chi tiết như sau:

TT	Khoản mục	Mã số	Năm 2021	Năm 2021 Trình bày lại	Chênh lệch
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>					
1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	3.338	2.225	(1.113)
2	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	3.338	2.225	(1.113)



Người lập biểu

Ngô Long Phi

Tây Ninh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 03 năm 2023



Kế toán trưởng

Trần Thị Tố Anh



Tổng Giám đốc

Lê Văn Chánh